

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

1. **Tên tổ chức:** CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRÙNG VIỆT NAM

- Mã chứng khoán: VFG
- Trụ sở chính: 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại: 028. 3822 8097 Fax: 028. 3829 0457
- E-mail: Info@vfc.com.vn

2. **Nội dung thông tin công bố:**

Báo cáo thường niên 2024

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 11/04/2025 tại đường dẫn www.vfc.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



TRẦN VĂN DŨNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



*CTCP Khử trùng Việt Nam đã
sẵn sàng cho chuyến hành
trình ra khơi...*



Báo cáo
THƯỜNG NIÊN
2024

MỤC LỤC

01

Thông tin chung

02

Tình hình hoạt động trong năm

03

Báo cáo Ban Tổng Giám đốc

04

Đánh giá của Hội đồng quản trị

05

Quản trị công ty

06

Báo cáo tài chính kiểm toán năm

CTCP Khử trùng Việt Nam đã sẵn sàng cho chuyển hành trình ra khơi

“ Nhìn nhận lại gần 50 năm hoạt động của công ty và chuẩn bị cho những bước tiếp theo, từ cuối năm 2008 Ban điều hành CTCP Khử trùng Việt Nam đã quyết định tái cơ cấu toàn bộ hệ thống, xây dựng chiến lược thương hiệu mới và triển khai việc đăng ký niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào cuối năm 2009.





CHƯƠNG I

Thông tin chung

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Giải thưởng tiêu biểu

Mô hình quản trị và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro



Tên giao dịch:	: CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM
Tên tiếng Anh	: VIETNAM FUMIGATION JOINT STOCK COMPANY
Mã cổ phiếu	: VFG
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	: 0302327629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/12/2001, thay đổi lần thứ 30 ngày 29/09/2022.
Vốn điều lệ	: 417.146.140.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 417.146.140.000 đồng



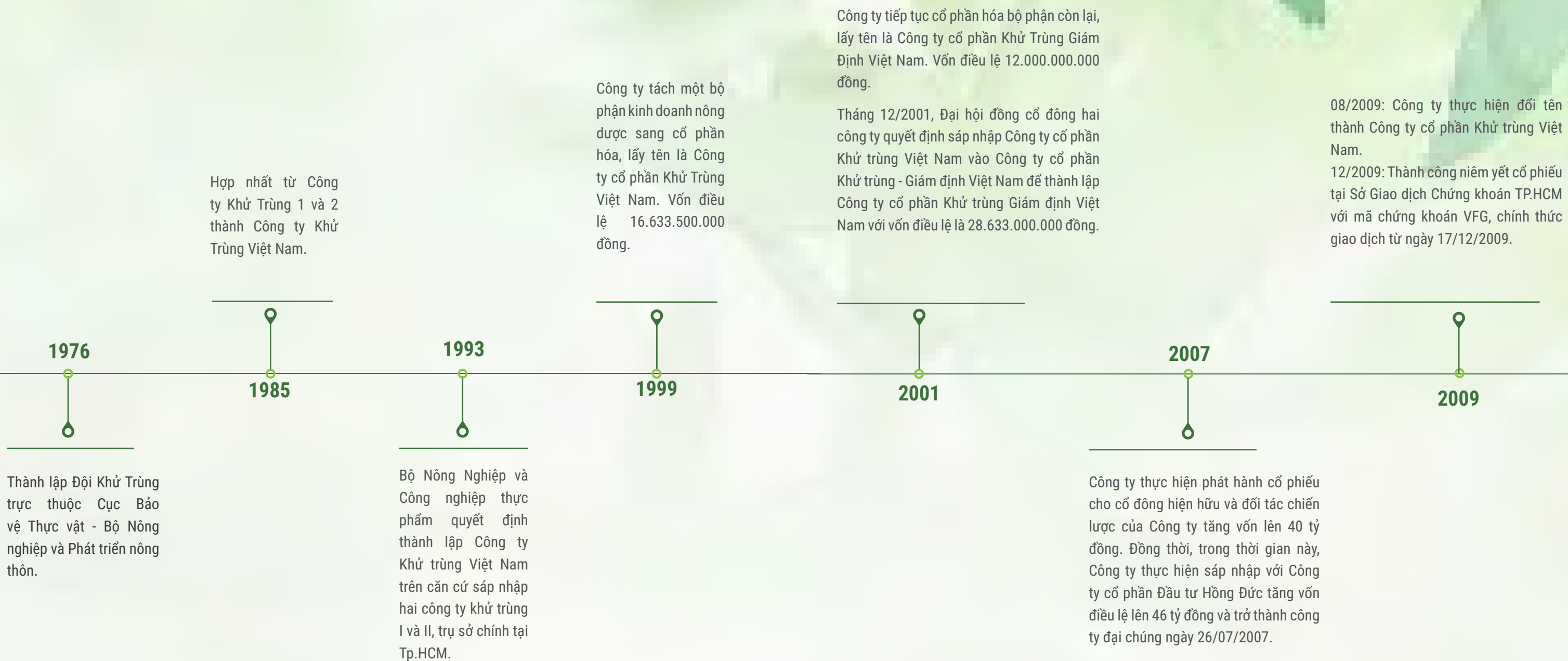
Vốn điều lệ (VNĐ)

417.146.140.000



Số điện thoại	: (028) 3822 8097
Số fax	: (028) 3829 3564
Website	: www.vfc.com.vn
Địa chỉ	: 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh







NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

CTCP Khử trùng Việt Nam kinh doanh các loại sản phẩm và dịch vụ là Nông dược và giống cây trồng, Dịch vụ khử trùng, Dịch vụ kiểm soát dịch hại và Dịch vụ cho thuê văn phòng:

**Nông dược và giống cây trồng**

Từ năm 1994, CTCP Khử trùng Việt Nam chính thức tham gia vào lĩnh vực nông dược và nhanh chóng vươn lên trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong việc cung ứng các sản phẩm chất lượng cao, mang lại hiệu quả vượt trội cho nền nông nghiệp Việt Nam.

Danh mục sản phẩm của CTCP Khử trùng Việt Nam bao gồm giống cây trồng, thuốc trừ sâu, thuốc trừ cỏ lúa và thuốc trừ bệnh, được nhập khẩu từ các tập đoàn sản xuất thuốc bảo vệ thực vật uy tín hàng đầu thế giới. Nhờ đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt, các sản phẩm của CTCP Khử trùng Việt Nam không chỉ được đánh giá cao về hiệu quả mà còn trở thành lựa chọn tin cậy của người nông dân.

Là đối tác chiến lược của các thương hiệu lớn như Syngenta, Kumiai, Nohyaku, Sinon, KingElong, NuFarm, Agrilife..., CTCP Khử trùng Việt Nam không ngừng mở rộng danh mục sản phẩm và cải tiến công nghệ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường. Công ty tập trung phục vụ các nông trại quy mô lớn và nông dân có trình độ kỹ thuật cao – nhóm khách hàng có xu hướng gắn bó lâu dài với các sản phẩm chất lượng vượt trội mà CTCP Khử trùng Việt Nam cung cấp.

Dịch vụ khử trùng

CTCP Khử trùng Việt Nam là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực khử trùng tại Việt Nam, với 50 năm kinh nghiệm và vị thế vững chắc trên thị trường. Nhờ chất lượng dịch vụ vượt trội và công nghệ tiên tiến, CTCP Khử trùng Việt Nam hiện nắm giữ khoảng 60% thị phần tùy từng mặt hàng, khẳng định vai trò dẫn đầu trong lĩnh vực khử trùng và kiểm soát dịch hại.

Từ năm 1975 đến 2001, CTCP Khử trùng Việt Nam được Chính phủ giao nhiệm vụ dự trữ quốc gia về thuốc khử trùng và được Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn chỉ định thực hiện công tác diệt trừ dịch hại trên hàng hóa xuất nhập khẩu. Với cam kết không ngừng đổi mới, CTCP Khử trùng Việt Nam trở thành đơn vị đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam ứng dụng các phương pháp khử trùng tiên tiến nhất thế giới như Aluminium Phosphide (AIP), công nghệ khử trùng J-System của Degesch America, SIROFLO, SIROCIRC, VAPOR3PHOS, ECO2FUME, đảm bảo hiệu quả cao trong bảo quản hàng hóa tại kho và hệ thống silo.

Trên trường quốc tế, CTCP Khử trùng Việt Nam khẳng định vị thế khi trở thành thành viên sáng lập Hiệp hội Khử trùng Quốc tế (IMFO) và đóng vai trò điều phối viên Chương trình thay thế Methyl Bromide do Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hợp Quốc (UNIDO) triển khai tại Việt Nam. Những đóng góp này không chỉ giúp CTCP Khử trùng Việt Nam giữ vững vị trí hàng đầu trong ngành mà còn góp phần nâng cao tiêu chuẩn khử trùng và bảo vệ môi trường trên phạm vi toàn cầu.

**Kiểm soát dịch hại**

CTCP Khử trùng Việt Nam – PestMaster là một trong những lĩnh vực mũi nhọn của CTCP Khử trùng Việt Nam, khẳng định vị thế hàng đầu trong ngành kiểm soát dịch hại tại Việt Nam. Năm 1999, CTCP Khử trùng Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Kiểm soát Dịch hại Đa quốc gia (NPMA), đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn quốc tế.

PestMan – Chuyên gia diệt côn trùng, thương hiệu trực thuộc CTCP Khử trùng Việt Nam, tự hào là đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm soát dịch hại lâu năm, uy tín và chuyên nghiệp nhất tại Việt Nam. Với đội ngũ chuyên viên dày dặn kinh nghiệm cùng hệ thống chi nhánh trải rộng trên toàn quốc, CTCP Khử trùng Việt Nam – PestMaster cam kết mang đến dịch vụ chất lượng cao, an toàn và hiệu quả vượt trội, đáp ứng nhanh chóng nhu cầu của khách hàng.

CTCP Khử trùng Việt Nam – PestMan cung cấp giải pháp kiểm soát dịch hại cho nhiều đối tượng khách hàng, bao gồm:

- Cao ốc văn phòng, khách sạn, nhà hàng;
- Trung tâm thương mại, siêu thị;
- Nhà máy, khu chế xuất, khu công nghiệp;
- Công trình xây dựng, khu dân cư;
- Phương tiện vận tải biển, hàng không và giàn khoan dầu khí.

Cho thuê văn phòng tại CTCP Khử trùng Việt Nam Tower

Bên cạnh dịch vụ kiểm soát dịch hại, CTCP Khử trùng Việt Nam còn khai thác lĩnh vực cho thuê văn phòng tại CTCP Khử trùng Việt Nam Tower, một tòa nhà hiện đại gồm 9 tầng văn phòng, trong đó 6 sàn chuyên biệt cho thuê với diện tích mỗi sàn 249m², cùng tầng hội trường và phòng họp đạt chuẩn, đáp ứng nhu cầu làm việc chuyên nghiệp của doanh nghiệp.

Với cơ sở vật chất hiện đại, vị trí đắc địa và dịch vụ hỗ trợ tối ưu, CTCP Khử trùng Việt Nam Tower là lựa chọn lý tưởng cho các doanh nghiệp mong muốn một không gian làm việc chất lượng cao tại trung tâm thành phố.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Khử trùng Việt Nam trải dài từ Bắc vào Nam trên khắp Việt Nam với trụ sở chính ở Thành phố Hồ Chí Minh và 18 đơn vị trực thuộc. Chi tiết như sau:

- Văn phòng trụ sở chính: Tòa nhà CTCP Khử trùng Việt Nam, Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024:

STT	Chi nhánh và điểm kinh doanh	Địa chỉ
1	Chi nhánh phía Bắc	Số 147, Đường Hồ Đắc Di, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.
2	Điểm kinh doanh phía Bắc	Số 147, Đường Hồ Đắc Di, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.
3	Chi nhánh Đà Nẵng	Số 292 Đường 2/9 P.Hòa Cường Bắc, Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
4	Điểm kinh doanh Trung Trung bộ	Số 292, Đường 2/9 Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
5	Chi nhánh Quy Nhơn	Số 263, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
6	Điểm kinh doanh Nam Trung bộ	Số 263, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
7	Chi nhánh Nha Trang	Số 7, Đường Nguyễn Thiện Thuật, Phường Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.
8	Điểm kinh doanh Đắk Lắk	Số 170, Đường Chu Văn An, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
9	Điểm kinh doanh Đồng Nai	B7 KDC Xóm Hố, Ấp Ngò Quyền, Xã Bàu Hàm 2, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai
10	Văn phòng Bình Dương	Số 5/2, Ấp 1B, Xã An Phú, Thị Xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

STT	Chi nhánh và điểm kinh doanh	Địa chỉ
11	Chi nhánh Hồ Chí Minh	Số 37, Đường Nguyễn Trung Ngạn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
12	Điểm kinh doanh trực thuộc Chi nhánh tại TP.HCM (Kho Hóc Môn)	Số 49, Đường Nguyễn Ánh Thủ, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.
13	Chi nhánh Đức Hòa Long An	Lô B, Số 107, KCN Thái Hòa, Ấp Tân Lập, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.
14	Điểm kinh doanh Sông Tiền	Số 36, Đường Nguyễn Trãi, Khóm Mỹ Thuận, Thị trấn Mỹ Thọ, Huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.
15	Điểm kinh doanh Sông Tiền 2	467 Quốc lộ 1A, Khu phố 1, Phường 5, Thị xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang.
16	Chi Nhánh Bắc Sông Hậu	Số 612, Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang.
17	Điểm kinh doanh Bắc Sông Hậu	Số 612, Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang.
18	Chi nhánh Nam Sông Hậu	Lô 30A3-3 KCN Trà Nóc I, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
19	Điểm kinh doanh Nam Sông Hậu	Lô 30A3-3 KCN Trà Nóc I, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
20	Điểm kinh doanh Sóc Trăng	Thửa đất số 1187, tờ bản đồ số 06, Ấp An Trạch, Xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.
21	Điểm kinh doanh Vùng Đông Nam Bộ 2	Ô 2, KP Rạch Sơn, Thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh.

CÁC CHỨNG NHẬN VÀ THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU ĐẠT ĐƯỢC

Mang sứ mệnh “Phát triển nền nông nghiệp bền vững và cải thiện môi trường sống thông qua việc cung cấp các giải pháp hỗ trợ giống cây trồng và dịch vụ kiểm soát dịch hại ứng dụng công nghệ tiên tiến”, CTCP Khử trùng Việt Nam không ngừng đổi mới để nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, từng bước khẳng định vai trò tiên phong trong lĩnh vực khử trùng và nông dược tại Việt Nam. Những nỗ lực ấy đã được ghi nhận bằng nhiều giải thưởng và huân chương danh giá, minh chứng rõ nét cho những đóng góp quan trọng của CTCP Khử trùng Việt Nam đối với sự phát triển của ngành nông nghiệp và nền kinh tế quốc gia.

Năm	Thành tích
1989	Đón nhận Huân chương Lao động hạng III
1998	Được chọn làm điều phối viên dự án về các giải pháp thay thế Methyl Bromide trong khử trùng nhằm bảo vệ tầng Ozone của Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên hiệp quốc (UNIDO).
1999	Gia nhập Hiệp hội Khử trùng Hàng Hải quốc Tế - IMFO. Gia nhập Hiệp hội Quản lý Dịch hại - NPMA, USA. Đón nhận Huân chương Lao động hạng II.
2001	Đón nhận huân chương Lao động hạng I
2009	Niên yết thành công tại Sàn Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
2019	CTCP Khử trùng Việt Nam là công ty khử trùng đầu tiên tại Việt Nam có chi nhánh được chấp nhận xử lý bộ xít hôi nâu bằng Methyl bromide đối với các loại hình: Container, hàng đồ xá, hàng đơn lẻ nhập khẩu vào Úc.
2024	CTCP Khử trùng Việt Nam được vinh dự bình chọn vào Top 10 thương hiệu tin dùng do Viện Nghiên cứu Kinh tế châu Á phối hợp với Liên hiệp khoa học phát triển doanh nghiệp Việt Nam và Đài truyền hình TP. Hồ Chí Minh tổ chức bình chọn.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, hiện nay mô hình quản trị của Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam được tổ chức theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan với mô hình bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban Tổng giám đốc.

Cơ cấu tổ chức của CTCP Khử trùng Việt Nam được thiết kế nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và chuyên môn hóa từng bộ phận, đảm bảo vận hành linh hoạt và minh bạch.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐHĐCĐ Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, chịu trách nhiệm quyết định các vấn đề chiến lược quan trọng của công ty.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị giữ vai trò quản lý và định hướng chiến lược, có quyền quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của công ty, ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc là cơ quan điều hành trực tiếp các hoạt động hàng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc triển khai chiến lược và thực hiện các nhiệm vụ được giao.

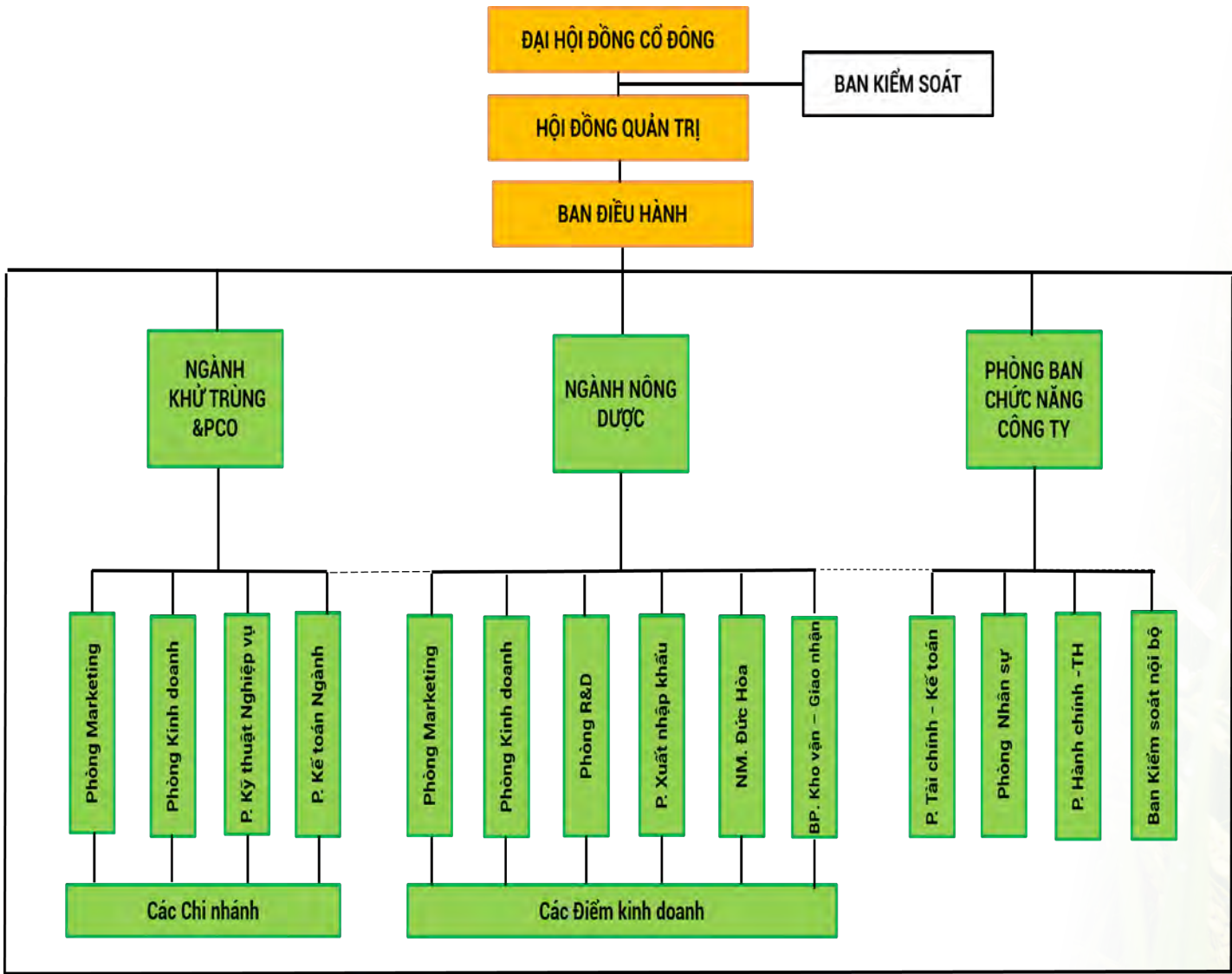


BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát đại diện cho cổ đông thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành nhằm đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ quy định.

Việc phân bổ chức năng rõ ràng giữa các bộ phận giúp CTCP Khử trùng Việt Nam tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao tính chuyên nghiệp trong vận hành, từ đó thúc đẩy hiệu suất hoạt động và khả năng cạnh tranh của công ty.

MÔ HÌNH QUẢN LÝ



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CTCP Khử trùng Việt Nam hiện chưa có công ty liên kết và đang đầu tư vào 01 công ty con với thông tin cụ thể như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	VĐL thực góp của VFG	Tỷ lệ sở hữu của VFG tại 31/12/2024
Công ty TNHH Hải Yến	50 Trần Phú, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	40 tỷ đồng	66,67%



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

CTCP Khử trùng Việt Nam chuyên sản xuất và phân phối nông dược, giống cây trồng, đồng thời cung cấp giải pháp khử trùng và kiểm soát dịch hại với tiêu chuẩn chất lượng cao, đáp ứng các quy định về an toàn môi trường và sức khỏe người sử dụng. Nguồn nguyên liệu đầu vào của CTCP Khử trùng Việt Nam được lựa chọn từ các đối tác hàng đầu trong nước và quốc tế, đảm bảo độ tin cậy và hiệu quả vượt trội.

Thông qua việc không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, CTCP Khử trùng Việt Nam hướng đến:

- » Xây dựng niềm tin vững chắc cho khách hàng thông qua các giải pháp tiên tiến, hiệu quả và an toàn.
- » Gia tăng giá trị bền vững cho nhà đầu tư bằng hiệu quả kinh doanh và chiến lược phát triển dài hạn.
- » Cải thiện đời sống và tạo dựng niềm tự hào cho đội ngũ nhân sự, khuyến khích tinh thần đổi mới và gắn kết trong môi trường làm việc chuyên nghiệp.



CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

- » Chủ động thu thập phản hồi từ khách hàng để không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ, đáp ứng tốt nhất nhu cầu thực tiễn.
- » Tích cực tìm kiếm và lựa chọn nguồn nguyên liệu chất lượng cao, đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển (R&D) để tạo ra các giải pháp tiên tiến, đáp ứng toàn diện nhu cầu canh tác nông nghiệp, phòng trừ và kiểm soát dịch hại.
- » Liên tục rà soát, nâng cao các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm và dịch vụ, hướng tới sự phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật toàn cầu và sản phẩm đạt chứng nhận hợp quy.
- » Tối ưu quy trình cung cấp dịch vụ, đầu tư mạnh vào đào tạo chuyên môn, nâng cao tay nghề đội ngũ nhân sự nhằm mang đến trải nghiệm khách hàng tối ưu, đảm bảo tính chuyên nghiệp và hiệu quả cao nhất.

CÔNG TÁC QUY HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG PHÂN PHỐI, KÊNH BÁN HÀNG

Tối ưu hóa hệ thống chi nhánh, cửa hàng và kho bãi:

- » Quy hoạch mạng lưới chi nhánh nhằm đảm bảo khả năng cung ứng sản phẩm và dịch vụ một cách nhanh chóng, hiệu quả tại tất cả các khu vực.
- » Tái cấu trúc hệ thống kho bãi, tối ưu hóa không gian lưu trữ, nâng cao khả năng điều phối hàng hóa và quản lý vật tư một cách khoa học.
- » Xây dựng kho trung tâm với quy trình vận hành hiện đại, cải tiến cơ chế quản lý và điều phối hàng nhằm nâng cao hiệu suất và giảm thiểu chi phí logistics.

Nâng cao chất lượng và mở rộng hệ thống đại lý:

- » Sàng lọc và nâng cao năng lực hệ thống đại lý cấp 1 và cấp 2, đảm bảo chất lượng phân phối và dịch vụ khách hàng tốt nhất.
- » Mở rộng mạng lưới đại lý tại các thị trường trọng điểm và khu vực tiềm năng, gia tăng mức độ phủ sóng sản phẩm và nâng cao sức cạnh tranh.
- » Tái định hình hệ thống phân phối theo chiến lược của công ty, trong đó CTCP Khử trùng Việt Nam phối hợp chặt chẽ với đại lý cấp 1 (C1) để chăm sóc hệ thống bán lẻ, tối ưu hóa hiệu quả bán hàng và dịch vụ hậu mãi.

CHÍNH SÁCH BÁN HÀNG LINH HOẠT VÀ HIỆU QUẢ

- » Xây dựng và điều chỉnh chính sách bán hàng phù hợp với từng khu vực địa lý và nhóm khách hàng mục tiêu, đảm bảo tối đa hóa hiệu quả phân phối và doanh số.
- » Cải tiến cơ chế quản lý và tối ưu hóa chính sách thanh lý, giúp hệ thống đại lý tiếp cận sản phẩm nhanh chóng, gia tăng lợi ích và thúc đẩy doanh số bán hàng.

CHIẾN LƯỢC TIẾP THỊ ĐA DẠNG VÀ GẮN KẾT THỊ TRƯỜNG

- » Triển khai các chương trình tiếp thị trực tiếp, tạo điểm nhấn thu hút khách hàng và đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ.
- » Đa dạng hóa phương thức tiếp thị, linh hoạt trong các hoạt động truyền thông để tiếp cận hiệu quả các phân khúc khách hàng khác nhau.
- » Cải tiến và nâng cao hiệu suất chương trình “Tiếp sức cùng nông dân”, tăng cường hỗ trợ kỹ thuật và giải pháp sản phẩm để đồng hành cùng bà con nông dân.
- » Đẩy mạnh các chương trình tài trợ và trách nhiệm cộng đồng, tập trung vào y tế, giáo dục và hỗ trợ các khu vực khó khăn, góp phần xây dựng hình ảnh thương hiệu bền vững.
- » Tham gia tích cực vào các diễn đàn, hội nghị và hiệp hội ngành nghề, mở rộng mạng lưới quan hệ, cập nhật xu hướng thị trường và gia tăng cơ hội hợp tác chiến lược.

CÔNG TÁC TỔ CHỨC - NHÂN SỰ VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- » Trẻ hóa đội ngũ nhân sự, thực hiện tái cơ cấu và quy hoạch nguồn lực, trao quyền cho các cán bộ trẻ đảm nhận vai trò quan trọng nhằm tăng khả năng thích ứng, thúc đẩy đổi mới và sáng tạo.
- » Xây dựng chính sách lương, thưởng linh hoạt, cạnh tranh, đảm bảo công bằng, thu hút nhân tài và khuyến khích sự cống hiến của người lao động.
- » Liên tục đánh giá hiệu suất làm việc, điều chỉnh và bổ sung nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu từng bộ phận để đáp ứng kịp thời yêu cầu vận hành và phát triển của doanh nghiệp.
- » Cải tiến cơ cấu tổ chức, tối ưu hóa bộ máy quản lý và vận hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng ra quyết định.
- » Đẩy mạnh đào tạo và phát triển nhân sự, tổ chức các chương trình huấn luyện chuyên sâu nhằm nâng cao tay nghề, kỹ năng quản lý và nghiệp vụ cho nhân viên, đảm bảo hiệu suất làm việc cao hơn.
- » Xây dựng đội ngũ quản lý cấp trung vững mạnh, thiết lập chính sách đãi ngộ phù hợp để thu hút và phát triển đội ngũ kế thừa, đảm bảo sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.



**CHIẾN LƯỢC
QUAN HỆ ĐỐI TÁC
VÀ NHÀ ĐẦU TƯ**

Đối với nhà đầu tư:

- » Tăng cường công bố thông tin chính xác, rõ ràng và kịp thời về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh, đảm bảo sự tin tưởng từ cổ đông.
- » Duy trì mức cổ tức hấp dẫn hàng năm, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động nhằm nâng cao giá trị cổ phiếu và sự hài lòng của nhà đầu tư.
- » Theo dõi chặt chẽ quá trình chi trả cổ tức, thực hiện đầy đủ báo cáo theo quy định của Luật Chứng khoán và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN).

Đối với đối tác chiến lược và các bên liên quan:

- » Tăng cường kết nối và chia sẻ lợi ích với các đối tác chiến lược, đảm bảo sự phát triển bền vững cho cả hai bên.
- » Đồng bộ hóa mục tiêu kinh doanh của công ty với định hướng phát triển của đối tác để tối ưu hóa lợi ích chung.
- » Tôn trọng và thực hiện nghiêm túc các thỏa thuận đã ký kết, xây dựng mối quan hệ lâu dài và đáng tin cậy với các đối tác.

Đối với cơ quan quản lý và cộng đồng khoa học:

- » Duy trì và phát triển mối quan hệ với các cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, các nhà khoa học để cập nhật và áp dụng những giải pháp quản lý tiên tiến trong lĩnh vực hoạt động của công ty.

Đối với tổ chức đoàn thể trong công ty:

- » Phát triển văn hóa doanh nghiệp: Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn Thanh niên, tạo dựng môi trường làm việc gắn kết, lành mạnh và sáng tạo.
- » Khuyến khích đổi mới và sẻ chia: Xây dựng môi trường làm việc năng động, khuyến khích tinh thần đổi mới sáng tạo, hợp tác nội bộ chặt chẽ và thúc đẩy sự phát triển của nhân sự.

Công ty tập trung vào duy trì vị thế dẫn đầu thị phần, đồng thời đặt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận ổn định và bền vững

- » Ổn định và mở rộng thị phần, đảm bảo khả năng cạnh tranh trong ngành.
- » Tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh, duy trì mức tăng trưởng lợi nhuận hợp lý.
- » Chỉ tiêu lợi nhuận: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần dự kiến duy trì trong khoảng []% - []%/năm, đảm bảo sự cân bằng giữa tăng trưởng và hiệu quả hoạt động.

**CHỈ TIÊU VỀ TĂNG
TRƯỞNG DOANH
THU, THỊ PHẦN VÀ
LỢI NHUẬN**

**CÔNG TÁC
ĐẦU TƯ**

Đầu tư cơ sở vật chất:

- » Mở rộng và nâng cấp nhà máy, hiện đại hóa dây chuyền sản xuất nông dược, thuốc khử trùng, kiểm soát côn trùng nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường ngày càng cao.
- » Cải thiện hạ tầng chi nhánh và kho bãi, đầu tư xây dựng, sửa chữa và trang bị các thiết bị quản lý hiện đại để tối ưu hóa vận hành.
- » Tăng cường phương tiện vận tải và thiết bị làm việc, đảm bảo quá trình sản xuất, phân phối và quản lý vận hành diễn ra thuận lợi, hiệu quả hơn.

Ứng dụng kỹ thuật và công nghệ hiện đại:

- » Tối ưu hóa quy trình sản xuất, cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, giảm chi phí vận hành.
- » Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển (R&D), ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất và dịch vụ nhằm tạo ra những sản phẩm tiên tiến, đáp ứng kịp thời xu hướng thị trường và nhu cầu khách hàng.

Công tác tài chính, kế toán:

- » Chủ động thu thập và phân tích dữ liệu tài chính nhằm xây dựng kế hoạch và dự báo chính xác, đảm bảo cân đối dòng tiền, tối ưu hóa nguồn vốn và giảm thiểu rủi ro.
- » Liên tục rà soát và điều chỉnh ngân sách, ưu tiên phân bổ hợp lý cho các bộ phận quan trọng như Bán hàng, Marketing, Phân phối và Phát triển sản phẩm, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- » Nâng cấp hệ thống kế toán và phần mềm quản lý tài chính, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để hỗ trợ công tác báo cáo và ra quyết định của ban lãnh đạo cũng như các bên liên quan.
- » Tăng cường kiểm soát và giám sát chứng từ kế toán, đảm bảo việc ghi nhận các giao dịch tài chính tuân thủ chặt chẽ quy định, minh bạch và phản ánh chính xác tình hình tài chính của doanh nghiệp.





CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG) VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

CTCP Khử trùng Việt Nam cam kết tối đa hóa và cân bằng lợi ích của khách hàng, người lao động, đối tác và cộng đồng thông qua việc cung cấp sản phẩm và giải pháp chất lượng cao với giá thành hợp lý. Công ty không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường, tuân thủ các tiêu chuẩn xuất khẩu và hướng đến phát triển bền vững, mang lại giá trị lâu dài cho doanh nghiệp và cổ đông, đồng thời nâng cao đời sống nhân viên. Nhận thức rõ những thách thức từ biến đổi khí hậu toàn cầu, CTCP Khử trùng Việt Nam tích cực triển khai các chiến lược xanh, tối ưu hóa nguồn nguyên liệu, bảo vệ nguồn nước, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ xanh, cũng như đẩy mạnh sử dụng năng lượng tái tạo nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường.

Hướng đến mục tiêu trở thành đơn vị hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực nông dược, giống cây trồng, dịch vụ kỹ thuật cây trồng, khử trùng và kiểm soát dịch hại, CTCP Khử trùng Việt Nam không ngừng đầu tư vào nghiên cứu và phát triển sản phẩm, mở rộng hệ thống phân phối, đồng thời nâng cao chất lượng nhân sự để tạo dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo và hiệu quả. Bên cạnh đó, công ty tập trung vào quản lý tài chính linh hoạt, đảm bảo dòng tiền vận hành hiệu quả, duy trì tăng trưởng ổn định, đồng thời ứng dụng công nghệ 4.0 để tối ưu hóa quy trình sản xuất, gia tăng sản lượng và cải thiện kết quả kinh doanh. CTCP Khử trùng Việt Nam cũng cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế địa phương và quốc gia.

Con người luôn là trọng tâm trong chiến lược phát triển của CTCP Khử trùng Việt Nam. Công ty không chỉ đầu tư vào đào tạo chuyên môn mà còn đặc biệt quan tâm đến đời sống và phúc lợi của nhân viên, tạo dựng môi trường làm việc gắn kết, khuyến khích đổi mới và sáng tạo. Thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu, CTCP Khử trùng Việt Nam giúp nhân viên nâng cao kỹ năng và cập nhật kiến thức mới, đồng thời xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, nơi mọi cá nhân đều có cơ hội phát triển và đóng góp vào thành công chung của công ty. Với chiến lược phát triển bền vững, tầm nhìn dài hạn và trọng tâm đầu tư vào con người, CTCP Khử trùng Việt Nam tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu trong ngành, không ngừng vươn xa trên thị trường trong nước và quốc tế.



RỦI RO PHÁP LUẬT



Là một công ty niêm yết, CTCP Khử trùng Việt Nam phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật liên quan đến Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, cùng với các quy định chuyên ngành. Đặc biệt, với đặc thù kinh doanh trong lĩnh vực nông dược và dịch vụ khử trùng, các sản phẩm như thuốc trừ sâu, thuốc trừ cỏ, thuốc khử trùng, phân bón hóa học đều tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người trong suốt quá trình sản xuất và phân phối. Chính vì vậy, CTCP Khử trùng Việt Nam còn phải tuân thủ chặt chẽ các quy định về Luật Nông nghiệp, Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, cùng các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý chất thải, hóa chất, phòng cháy chữa cháy, lao động và an toàn sản xuất.

Trong bối cảnh hệ thống pháp luật Việt Nam liên tục được cập nhật và bổ sung, sự thay đổi này

không chỉ tác động đến hoạt động quản trị và vận hành doanh nghiệp, mà còn gia tăng chi phí tuân thủ. Nhằm giảm thiểu rủi ro pháp lý và đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành, CTCP Khử trùng Việt Nam đã triển khai loạt giải pháp đồng bộ. Công ty tập trung xây dựng đội ngũ nhân sự hành chính chuyên trách, có kiến thức chuyên sâu về pháp luật trong các lĩnh vực liên quan, đặc biệt là điều kiện sản xuất và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng.

Bên cạnh đó, CTCP Khử trùng Việt Nam chủ động phối hợp chặt chẽ với các đơn vị tư vấn pháp lý, cơ quan quản lý nhà nước để cập nhật nhanh chóng những thay đổi về chính sách và quy định. Điều này giúp công ty không chỉ đảm bảo tuân thủ kịp thời mà còn chủ động điều chỉnh chiến lược hoạt động, hạn chế tối đa rủi ro pháp lý có thể phát sinh, duy trì sự ổn định và phát triển bền vững trong dài hạn.

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2024, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà phục hồi mạnh mẽ với tăng trưởng GDP ước đạt 7,09%, vượt xa mục tiêu 6,5% của Quốc hội và các dự báo trước đó của các tổ chức quốc tế. Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản ghi nhận mức tăng trưởng 3,27%, bất chấp ảnh hưởng từ thiên tai, trong khi sản lượng nông sản tiếp tục tăng, góp phần nâng giá trị gia tăng của ngành lên 2,94% so với năm trước. Tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt 62,5 tỷ USD, với mức xuất siêu kỷ lục 17,9 tỷ USD, tăng 46,8% so với năm 2023. Trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, ngành chế biến, chế tạo cũng có sự bứt phá mạnh mẽ với mức tăng trưởng 9,83%, đóng góp đáng kể vào sự phát triển chung của nền kinh tế. Những tín hiệu tích cực này đã tạo điều kiện thuận lợi cho CTCP Khử trùng Việt Nam, giúp công ty hưởng lợi từ đà tăng trưởng của ngành nông nghiệp và sản xuất chế biến, thúc đẩy nhu cầu đối với các sản phẩm nông được, giống cây trồng và dịch vụ kiểm soát dịch hại.

Tuy nhiên, bối cảnh kinh tế toàn cầu cũng mang đến nhiều thách thức. Trong năm 2024, đồng USD tăng giá mạnh do chính sách thắt chặt tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) nhằm kiểm soát lạm phát, khiến tỷ giá USD/VND tăng 5,03%, đạt 24.335 VND/USD vào cuối năm và chạm mức kỷ lục 25.920 VND/USD vào tháng 6/2024 trên thị trường tự do. Sự biến động này tạo áp lực lớn lên các doanh nghiệp có tỷ lệ nhập khẩu đầu vào cao như CTCP Khử trùng Việt Nam, làm gia tăng chi phí nguyên vật liệu và ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Để duy trì năng lực cạnh tranh, CTCP Khử trùng Việt Nam có thể phải điều chỉnh biên lợi nhuận, đồng thời tìm kiếm giải pháp tối ưu hóa chi phí, đàm phán với nhà cung cấp

và quản lý rủi ro tỷ giá hiệu quả hơn.

Trong nước, lạm phát được kiểm soát tốt ở mức 3,63%, giúp ổn định chi phí nguyên vật liệu và nhân công, giảm áp lực lên giá thành sản phẩm. Điều này đặc biệt có lợi cho CTCP Khử trùng Việt Nam, một doanh nghiệp sản xuất và cung cấp dịch vụ có mức độ thâm dụng lao động cao. Đồng thời, với lạm phát duy trì ở mức thấp, sức mua của người tiêu dùng đối với các mặt hàng thiết yếu như nông sản được giữ vững, kéo theo nhu cầu ổn định đối với nông được và giống cây trồng, giúp thị trường của CTCP Khử trùng Việt Nam không bị ảnh hưởng mạnh bởi biến động kinh tế.

Căng thẳng Nga – Ukraine chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, trong khi xung đột ở Trung Đông tiếp tục leo thang, làm gián đoạn nguồn cung năng lượng toàn cầu. Đồng thời, OPEC+ duy trì chính sách cắt giảm sản lượng dầu, khiến giá dầu thô biến động mạnh, đạt 102,9 triệu thùng/ngày trong năm 2024. Điều này tác động trực tiếp đến ngành hóa chất và nông được, khi dầu thô là nguyên liệu đầu vào chính để sản xuất thuốc trừ sâu, phân bón và các chế phẩm bảo vệ thực vật. Việc chi phí nguyên vật liệu dao động liên tục gây khó khăn trong hoạch định tài chính, khiến CTCP Khử trùng Việt Nam phải tăng cường kiểm soát chi phí và linh hoạt trong chiến lược giá bán để duy trì lợi nhuận.

Mặt khác, sự gián đoạn chuỗi cung ứng lương thực toàn cầu lại mở ra cơ hội cho ngành nông nghiệp Việt Nam, khi các đối tác quốc tế chuyển hướng tìm kiếm nguồn cung từ Việt Nam. Tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản tăng mạnh 46,8%, giúp gia tăng nhu cầu đối với nông được và giống cây trồng, tạo điều kiện để CTCP Khử trùng Việt Nam mở rộng thị phần. Nhận thức được những biến động này, CTCP Khử trùng Việt Nam luôn theo dõi sát diễn biến thị trường, đánh giá xu hướng kinh tế để nhanh chóng điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp. Công ty tập trung vào kiểm soát rủi ro tỷ giá, tối ưu hóa

hoạt động nhập khẩu và đa dạng hóa nguồn cung nguyên liệu. Đồng thời, CTCP Khử trùng Việt Nam đẩy mạnh tiết kiệm chi phí sản xuất, tối ưu vận hành để giảm thiểu tác động từ giá đầu và lạm phát.

Song song đó, công ty tận dụng cơ hội từ sự phát triển mạnh mẽ của ngành nông nghiệp để mở rộng phân khúc khách hàng và nâng cao năng lực cạnh tranh. Để đảm bảo sự chủ động trước các biến động vĩ mô, CTCP Khử trùng Việt Nam cũng xây dựng các kế hoạch tài chính và vận hành dự phòng, giúp công ty có thể ứng phó linh hoạt trước những thay đổi từ môi trường kinh tế. Với chiến lược thích ứng linh hoạt và định hướng phát triển bền vững, CTCP Khử trùng Việt Nam không chỉ giảm thiểu rủi ro mà còn tận dụng tối đa các cơ hội để duy trì vị thế dẫn đầu và tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm tới.



RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Ngành nông dược và hóa chất vốn có tác động lớn đến môi trường, khi quá trình sản xuất, lưu trữ, bảo quản và vận chuyển các sản phẩm có thể tiềm ẩn nguy cơ phát thải chất độc hại, ảnh hưởng đến tự nhiên và sức khỏe con người. Nhận thức rõ những thách thức này, CTCP Khử trùng Việt Nam luôn đặt phát triển bền vững làm trọng tâm trong chiến lược hoạt động, chủ động triển khai các biện pháp quản lý chặt chẽ để giảm thiểu rủi ro môi trường.

Công ty không ngừng cải tiến quy trình sản xuất, sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị nhằm hạn chế tối đa nguy cơ rò rỉ hóa chất và sự cố môi trường. Đồng thời, hệ thống nhà máy của CTCP Khử trùng Việt Nam được đầu tư công nghệ xử lý môi trường hiện đại, có công suất lớn, đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về xử lý chất thải. Công ty cũng xây dựng kế hoạch phòng ngừa rủi ro môi trường, sẵn sàng ứng phó với các sự cố tiềm ẩn trong quá trình vận hành.

Song song đó, CTCP Khử trùng Việt Nam chú trọng đến an toàn lao động, đảm bảo người lao động được trang bị đầy đủ bảo hộ chuyên dụng và hưởng các chế độ bảo hiểm để giảm thiểu rủi ro khi làm việc trong môi trường liên quan đến hóa chất. Nhờ những nỗ lực này, công tác bảo vệ môi trường tại CTCP Khử trùng Việt Nam luôn được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định pháp luật và góp phần hướng đến một ngành nông nghiệp phát triển bền vững, thân thiện với môi trường.

RỦI RO KHÁC

Công ty đối mặt với nhiều rủi ro khác nhau trong hoạt động kinh doanh, bao gồm cả những tác động bất khả kháng từ các yếu tố tự nhiên và xã hội. Các rủi ro này có thể bao gồm các thiên tai, dịch bệnh, sự cố cháy nổ, ảnh hưởng từ các vấn đề chính trị và biến đổi khí hậu, thủy văn và nhiều yếu tố khác. Mặc dù tần suất xảy ra của những rủi ro này khá thấp, nhưng chúng có thể gây ra thiệt hại đáng kể cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty đã đưa ra nhiều biện pháp để đảm bảo an toàn cho nhân viên và tài sản, đồng thời đảm bảo hoạt động kinh doanh được thực hiện liên tục, tránh được các tổn thất không đáng có. Các biện pháp này bao gồm việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ và cứu nạn, đồng thời thường xuyên kiểm tra các thiết bị, cập nhật thông tin thời tiết và xã hội. Ngoài ra, Công ty cũng tham gia đầy đủ các loại bảo hiểm cần thiết để bảo vệ quyền lợi của Công ty, cổ đông, khách hàng và đối tác. Tất cả các biện pháp này giúp Công ty đối phó với những rủi ro trong hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả và đảm bảo hoạt động kinh doanh diễn ra xuyên suốt, liên tục.



RỦI RO KHÍ HẬU

Thời tiết và khí hậu đóng vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất và chất lượng cây trồng – yếu tố then chốt đối với nhóm khách hàng chính của CTCP Khử trùng Việt Nam là nông dân và nhà sản xuất nông nghiệp. Năm 2024 ghi nhận những biến động khí hậu cực đoan, gây ra nhiều thách thức nghiêm trọng cho ngành nông nghiệp Việt Nam. Theo Tổ chức Khí tượng Thế giới (WMO), đây là năm nóng nhất trong thập kỷ, với nhiệt độ toàn cầu đạt mức kỷ lục. Tại Việt Nam, các đợt nắng nóng kéo dài và khô hạn nghiêm trọng đã ảnh hưởng nặng nề đến nhiều khu vực, đặc biệt là miền Trung và Tây Nguyên, làm giảm năng suất của các cây trồng chủ lực như lúa, ngô, cà phê và hồ tiêu. Đồng thời, tần suất và cường độ các hiện tượng thiên tai như bão, lũ, hạn hán và xâm nhập mặn gia tăng đáng kể.

Bão Yagi, cơn bão mạnh nhất châu Á trong năm, đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho Việt Nam, với tổng giá trị thiệt hại lên đến 81,5 nghìn tỷ đồng (3,31 tỷ USD). Trong đó, riêng ngành nông nghiệp chịu tổn thất khoảng 32,6 nghìn tỷ đồng, khiến tăng trưởng của khu vực nông, lâm, thủy sản trong quý III chỉ đạt 2,58%, mức thấp nhất trong vòng ba năm trở lại đây. Theo Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, năm 2024, Việt Nam đã trải qua 18/22 loại hình thiên tai, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế và đời sống xã hội.

Nhận thức được những rủi ro từ biến đổi khí hậu, CTCP Khử trùng Việt Nam đã chủ động triển khai hàng loạt giải pháp thích ứng nhằm hỗ trợ nông dân và hệ thống phân phối –



nhóm khách hàng trực tiếp của công ty. Một trong những trọng tâm chiến lược của CTCP Khử trùng Việt Nam là đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển (R&D), tập trung vào các giống cây trồng có khả năng thích ứng tốt với biến đổi khí hậu, đồng thời đảm bảo giá thành hợp lý để nông dân có thể tiếp cận dễ dàng. Bên cạnh đó, CTCP Khử trùng Việt Nam không ngừng mở rộng hệ thống phân phối, tập trung vào các vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm như đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng và Tây Nguyên, nhằm đảm bảo nguồn cung sản phẩm ổn định, kịp thời đến tay nông dân.

Ngoài ra, CTCP Khử trùng Việt Nam đặc biệt chú trọng đến công tác đào tạo và hỗ trợ đại lý, tổ chức các khóa tập huấn chuyên sâu về kỹ thuật canh tác tiên tiến, quản lý dịch hại và ứng phó với biến đổi khí hậu. Việc thường xuyên cập nhật thông tin về dịch hại và diễn biến thời tiết giúp công ty cung cấp cho nông dân những kiến thức quan trọng, hỗ trợ họ trong việc đưa ra quyết định sản xuất chính xác, từ đó giảm thiểu rủi ro, tối ưu hóa năng suất và đảm bảo sự phát triển bền vững cho ngành nông nghiệp





CHƯƠNG II

Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

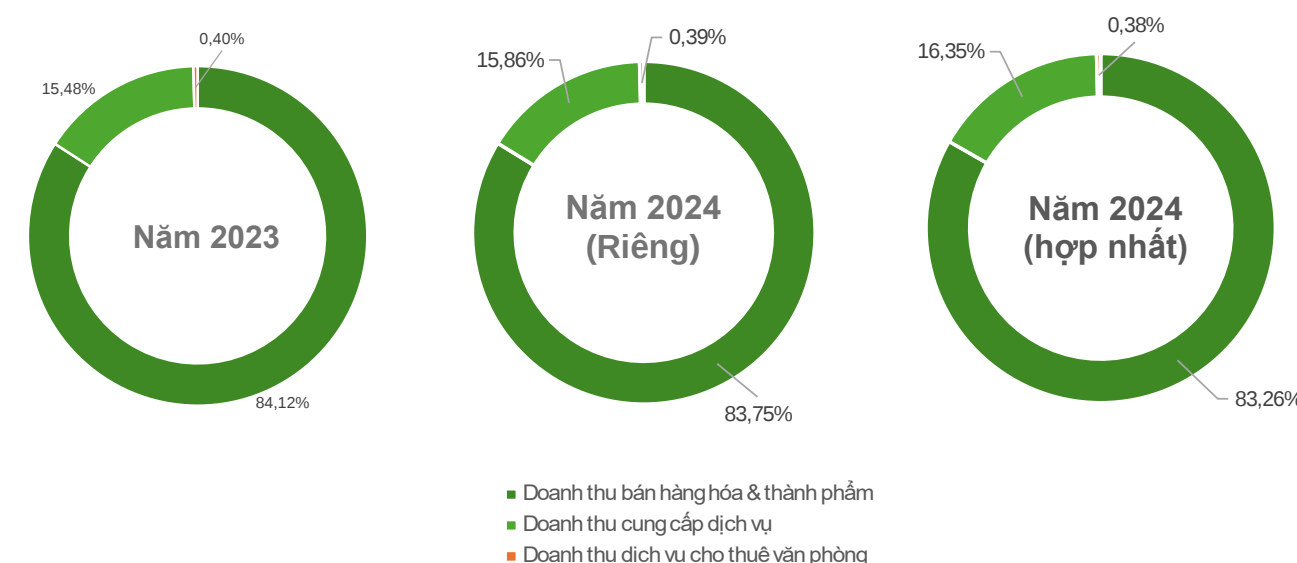
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024 (Riêng)	Năm 2024 (Hợp nhất)	2024/2023 (Riêng)
1	Doanh thu thuần	3.262.419,85	3.476.799,24	3.497.261,42	106,57%
2	Giá vốn hàng bán	2.483.468,45	2.575.704,26	2.588.448,22	103,71%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	71.895,69	227.271,43	128.124,77	316,11%
4	Chi phí tài chính	39.297,35	106.986,72	107.001,71	272,25%
5	Chi phí bán hàng	353.026,89	436.921,59	439.033,27	123,76%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	81.595,74	81.922,53	91.177,95	100,40%
7	Chi phí khác	2.962,40	5.414,38	5.419,83	182,77%
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	376.927,31	502.535,57	568.426,38	133,32%
8	Lợi nhuận khác	-1.194,71	2.115,03	2.109,59	-
9	Lợi nhuận trước thuế	375.732,60	504.650,60	570.535,97	134,31%
10	Lợi nhuận sau thuế	295.577,43	421.556,30	471.270,61	142,62%

Cơ cấu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2024:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Doanh thu	Năm 2023		Năm 2024 (Riêng)		Năm 2024 (hợp nhất)		% Năm 2024/ Năm 2023
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Doanh thu bán hàng hóa & thành phẩm	2.744.342	84,12%	2.911.927	83,75%	2.911.927	83,26%	106,11%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	505.160	15,48%	551.409	15,86%	571.871	16,35%	109,16%
3	Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	12.917	0,40%	13.463	0,39%	13.463	0,38%	104,22%



Năm 2024, CTCP Khử trùng Việt Nam ghi nhận kết quả kinh doanh nổi bật với doanh thu thuần đạt 3.476,8 tỷ đồng, tăng 6,6% so với năm 2023; lợi nhuận trước thuế đạt 504,7 tỷ đồng, tăng 34,3%; và lợi nhuận sau thuế đạt 421,6 tỷ đồng, tăng 42,6% so với cùng kỳ. Thành quả này đến từ việc duy trì tăng trưởng ổn định trong mảng nông dược và dịch vụ khử trùng – kiểm soát dịch hại, đồng thời tối ưu hóa hiệu quả vận hành và cơ cấu tài chính.

Giá vốn hàng bán chỉ tăng 3,7%, thấp hơn tỷ lệ tăng doanh thu, giúp lợi nhuận gộp tăng hơn 16%. Trong khi đó, chi phí quản lý doanh nghiệp giữ gần như không đổi (tăng 0,4%), phản ánh sự ổn định về bộ máy quản trị. Mặc dù chi phí tài chính tăng hơn 2,7 lần, nhưng được bù đắp bởi doanh thu tài chính tăng mạnh hơn 3 lần (từ 71,9 tỷ đồng lên 227,3 tỷ

đồng), chủ yếu đến từ khoản thu nhập tài chính phát sinh liên quan đến việc hợp nhất công ty con Hải Yến.

Bên cạnh đó, cơ cấu doanh thu tiếp tục ổn định, trong đó doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm chiếm 83,75%, dịch vụ chiếm 15,86% và cho thuê văn phòng chiếm 0,39%, với tốc độ tăng trưởng lần lượt là 6,1%, 9,2% và 4,2% so với năm 2023. Những kết quả tích cực này là minh chứng cho sự điều hành linh hoạt, định hướng đúng đắn trong quản trị chi phí, và cam kết nâng cao hiệu quả hoạt động, hướng đến tăng trưởng bền vững và tối đa hóa giá trị cho cổ đông.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2024	TH 2024 (Riêng)	TH 2024 (Hợp nhất)	% TH/KH 2024
1	Doanh thu(*)	3.690.000	3.786.854	3.807.316	102,62%
2	Lợi nhuận trước thuế	379.000	504.651	570.535,97	133,15%
3	Lợi nhuận sau thuế	300.000	421.556	471.270,61	140,52%
4	Tỷ lệ chia cổ tức	20% mệnh giá CP	40% mệnh giá CP (**)	40% mệnh giá CP (**)	100,00%

(*): Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

(**): Công ty dự kiến chi trả cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 40% và sẽ trình phương án này tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên 2025 sắp tới.



Năm 2024, CTCP Khử trùng Việt Nam hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu trọng yếu, phản ánh năng lực điều hành linh hoạt và hiệu quả của hệ thống. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 3.786.854 triệu đồng, tương đương 102,62% kế hoạch, cao hơn mức thực hiện 97,1% của năm 2023. Lợi nhuận trước thuế đạt 504.651 triệu đồng, hoàn thành 133,15% kế hoạch, trong khi lợi nhuận sau thuế đạt 421.556 triệu đồng, đạt 140,52% kế hoạch, cho thấy hiệu quả hoạt động được cải thiện rõ nét so với năm trước.

Kết quả vượt kế hoạch này đến từ việc kiểm soát tốt

chi phí, đặc biệt là chi phí quản lý duy trì ổn định; tối ưu hóa hoạt động sản xuất – kinh doanh, và tăng trưởng mạnh từ hoạt động tài chính, bao gồm lợi nhuận từ khoản đầu tư vào công ty con Hải Yến. Bên cạnh đó, Công ty nâng mức tỷ lệ chia cổ tức năm 2024 lên mức 40% mệnh giá cổ phiếu, gấp đôi so với kế hoạch đề ra, khẳng định năng lực tài chính vững vàng và cam kết mang lại giá trị bền vững cho cổ đông.

Hiệu quả thực thi kế hoạch năm 2024 là nền tảng quan trọng để CTCP Khử trùng Việt Nam tiếp tục mở rộng quy mô, nâng cao năng lực cạnh tranh và duy trì đà tăng trưởng trong các năm tiếp theo.

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Thông tin được cập nhật đến ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trương Công Cứ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	779.751	1,87%
2	Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	565.068	1,35%
3	Ông Trần Văn Dũng	Thành viên HĐQT, Phó TGD phụ trách tài chính, người được ủy quyền Công bố thông tin (CBTT)	3.995	0,01%
4	Ông Đào Xuân Trọng	Phó Tổng Giám đốc	83.779	0,20%
5	Bà Phạm Thị Ngọc Phương	Kế toán trưởng	109.506	0,26%

Lý lịch Ban điều hành



Ông Trương Công Cứ - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 11/12/1955

Nơi sinh: Sài Gòn

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông nghiệp

Quá trình công tác:

- Từ 1976 - 1979: Cán bộ kỹ thuật Chi Cục Kiểm dịch thực vật
- Từ 1980 – 1981: Trưởng phòng kỹ thuật Chi Cục Kiểm dịch thực vật vùng II
- Từ 1981 - 1989: Cán bộ kỹ thuật Công ty Khử Trùng Việt Nam
- Từ 1990 - 1991: Phó giám đốc Công ty Khử Trùng Việt Nam
- Từ 1991 - 1999: Phó giám đốc CTCP Khử Trùng Giám Định Việt Nam
- Từ 1999 – 09/2009: Phó Tổng giám đốc CTCP Khử Trùng Việt Nam
- Từ 10/2009 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Khử Trùng Việt Nam.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 779.751 cổ phần chiếm 1,87% vốn chủ sở hữu.



Bà Nguyễn Bạch Tuyết - Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 10/11/1942

Nơi sinh: Quảng Ngãi

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông nghiệp

Quá trình công tác:

- Từ 1976 - 1985: Chi cục phó Cục Bảo vệ thực vật
- Từ 1985 - 2000: Giám đốc công ty Khử trùng Việt Nam
- Từ 2001 - 09/2009: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Khử Trùng Việt Nam
- Từ 12/2008 đến nay: Tổng giám đốc Công ty TNHH Hải Yến
- Từ 10/2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Khử Trùng Việt Nam

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty TNHH Hải Yến

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 565.068 cổ phần chiếm 1,35% vốn chủ sở hữu.



Ông Trần Văn Dũng – Thành viên HĐQT, Phó TGD phụ trách tài chính, người được ủy quyền CBTT

Ngày sinh: 30/12/1975

Nơi sinh: An Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 1998 -1999: Kế toán kho Công ty Haprosimex Sài Gòn
- Từ 2000 - 2012: Kế toán viên, Kế toán trưởng CTCP Bảo vệ Thực vật An Giang
- Từ 2012 - 2015: Chuyên viên tư vấn
- 2015 – 07/2017: Giám đốc tài chính CTCP Khử trùng Việt Nam/Kế toán trưởng
- 07/2017 – 01/2022: P.TGD Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Người được ủy quyền Công bố thông tin CTCP Khử trùng Việt Nam
- Từ 01/2022 - nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính, Người được ủy quyền Công bố thông tin CTCP Khử Trùng Việt Nam

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc phụ trách tài chính, người được ủy quyền CBTT.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 3.995 cổ phần chiếm 0,01% vốn chủ sở hữu.



Ông Đào Xuân Trọng – Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 13/07/1972

Nơi sinh: Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế

Quá trình công tác:

- 1994 - 2002: Đội trưởng Khử trùng tại CTCP Khử trùng Việt Nam.
- 2003 - 2008: Phó Phòng Kỹ thuật Khử Trùng tại CTCP Khử trùng Việt Nam.
- 2008 - 2009: Trưởng Phòng Kỹ thuật Khử Trùng tại CTCP Khử trùng Việt Nam.
- 2009 - 2011: Phòng Kỹ thuật Khử Trùng tại CTCP Khử trùng Việt Nam tại CTCP Khử trùng Việt Nam.
- 2012 - 2019: Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh CTCP Khử trùng Việt Nam.
- 2019 - 2021: Giám Đốc Ngành KTR & PCO CTCP Khử trùng Việt Nam.
- 19/01/2022 đến nay: Phó Tổng giám đốc CTCP Khử trùng Việt Nam

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng giám đốc.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 83.779 cổ phần chiếm 0,20% vốn chủ sở hữu.



Bà Phạm Thị Ngọc Phương – Kế toán trưởng

Ngày sinh: 23/03/1978

Nơi sinh: Long An

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- 2000 - 2012: Kế toán viên tại CTCP Khử trùng Việt Nam.
- 2012 - 2021: Phó Phòng Tài chính - Kế toán CTCP Khử trùng Việt Nam.
- 2021 đến nay: Kế toán trưởng CTCP Khử trùng Việt Nam.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 109.506 cổ phần chiếm 0,26% vốn chủ sở hữu.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2024: Không có

TỔNG SỐ LƯỢNG NGƯỜI

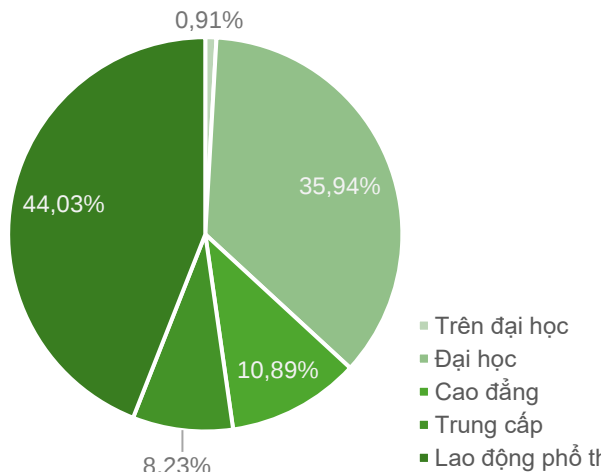
1.433

Tính tại ngày 31/12/2024

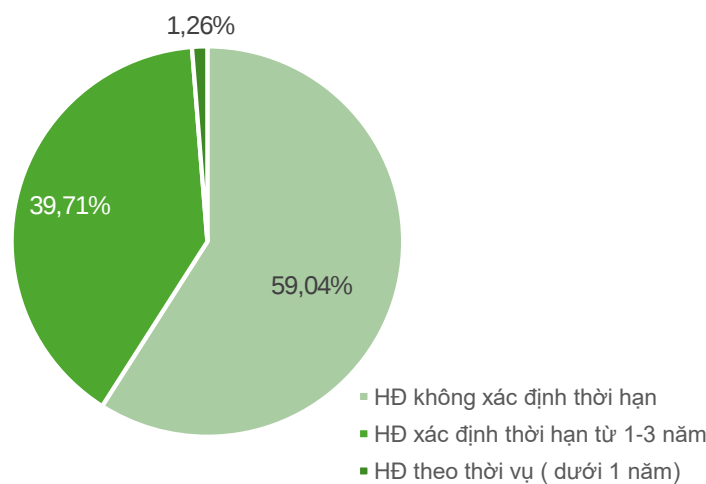
SỐ LƯỢNG VÀ THU NHẬP CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Cơ cấu người lao động trong Công ty tại ngày 31/12/2024 như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ	1.433	100,00%
1	Trên đại học	13	0,91%
2	Đại học	515	35,94%
3	Cao đẳng	156	10,89%
4	Trung cấp	118	8,23%
5	Lao động phổ thông	631	44,03%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	1.433	100,00%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	846	59,04%
2	Hợp đồng xác định thời hạn từ 1-3 năm	569	39,71%
3	Hợp đồng theo thời vụ (dưới 1 năm)	18	1,26%
III	Theo thời hạn HĐLĐ	1.433	100,00%
1	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	1.337	93,30%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	96	6,70%



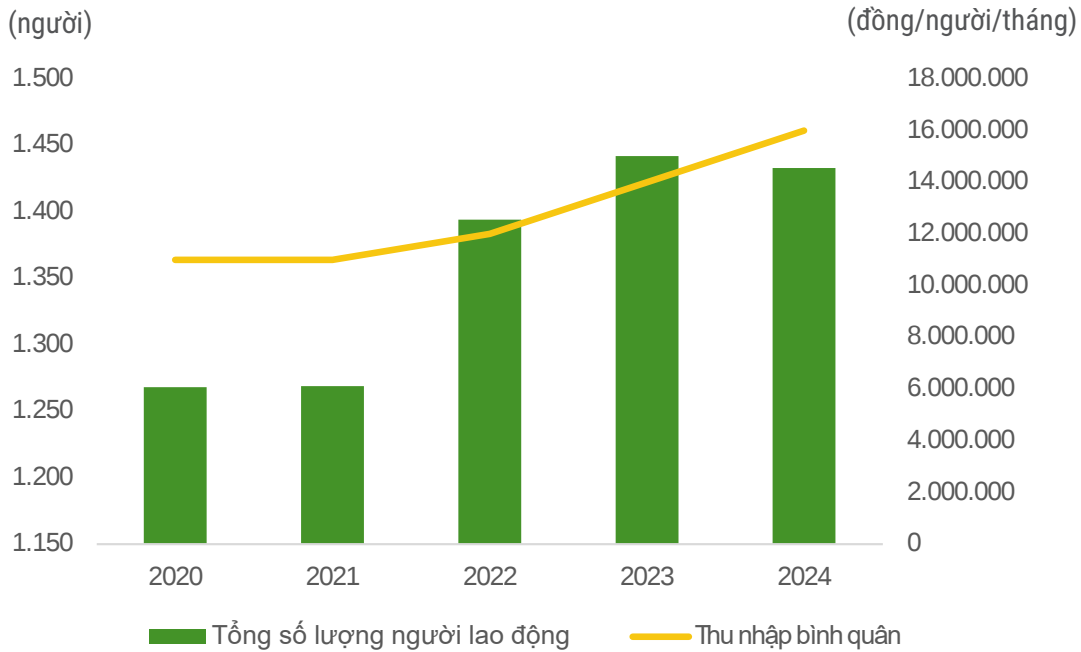
CƠ CẤU THEO TRÌNH ĐỘ



CƠ CẤU THEO TÍNH CHẤT
HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Thu nhập bình quân người lao động

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số lượng người lao động (người)	1.268	1.269	1.394	1.442	1.433
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	11.000.000	11.000.000	12.000.000	14.000.000	16.000.000



VỀ TUYỂN DỤNG

Công ty đặt mục tiêu thu hút và lựa chọn những nhân sự xuất sắc để gia nhập đội ngũ, nhằm đáp ứng yêu cầu cạnh tranh và mở rộng kinh doanh. Bên cạnh việc phát huy tối đa nguồn lực sẵn có, Công ty ưu tiên thiết kế và triển khai hệ thống, chính sách tuyển dụng và đào tạo nhân lực bài bản với các tiêu chuẩn tuyển chọn rõ ràng và phù hợp cho từng vị trí công việc. Bên cạnh việc phát huy tối đa nguồn lực sẵn có, Công ty còn tập trung vào việc tuyển dụng nhân sự chất lượng cao, góp phần củng cố đội ngũ và nâng cao khả năng cạnh tranh trong môi trường kinh doanh luôn thay đổi.

VỀ ĐÀO TẠO

Công ty luôn xem con người là nguồn lực quý giá nhất và cam kết tăng cường đầu tư để phát triển. Chúng tôi chú trọng thiết kế lộ trình phát triển cho nhân viên thông qua các khóa đào tạo chuyên môn và nghiệp vụ, đặc biệt trong lĩnh vực khử trùng và PCO. Mục tiêu là không chỉ nâng cao kỹ năng, kiến thức và ý thức của đội ngũ nhân viên hiện tại mà còn tạo tiền đề cho sự phát triển dài hạn của Công ty. Ngoài ra, để cụ thể hóa mục tiêu này, Công ty đã thành lập quỹ đào tạo nhằm khuyến khích sự phát triển chuyên môn của nhân viên.

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

Với triết lý “Nhân viên là tài sản quý giá và là người bạn đồng hành không thể thiếu trong hành trình phát triển của Công ty”, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là những cá nhân có năng lực và tâm huyết, những người đóng góp tích cực vào mục tiêu chiến lược của Công ty.

- » Về chế độ làm việc, Công ty yêu cầu nhân viên làm việc từ thứ hai đến thứ bảy, mỗi ngày 8 giờ. Trong trường hợp cần thiết, nhân viên sẽ được bố trí nghỉ bù hoặc nhận lương làm thêm giờ để đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật. Công ty cũng thực hiện đầy đủ các chế độ nghỉ phép, lễ Tết theo Bộ Luật Lao Động, với 12 ngày nghỉ phép hàng năm cho nhân viên có thời gian làm việc trên 12 tháng, có thể nghỉ phép một lần hoặc chia đều trong năm. Thời gian nghỉ phép có thể kéo dài đến hết quý 1 của năm sau.
- » Công ty cũng tuân thủ các quy định về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quyền lợi nghỉ ốm, nghỉ thai sản theo pháp luật hiện hành, với thời gian nghỉ thai sản là 6 tháng và trợ cấp bảo hiểm thay lương trong thời gian này.
- » Công đoàn trong Công ty hoạt động hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để cải thiện chất lượng cuộc sống cho nhân viên cả về vật chất và tinh thần. Công đoàn tổ chức các hoạt động động viên, khen thưởng cho con của nhân viên có thành tích học tập xuất sắc và hỗ trợ nhân viên trong các tình huống khó khăn như ốm đau, tang gia hay sự kiện đặc biệt.

VỀ LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

Đối tượng áp dụng: Ban điều hành và tất cả nhân viên CTCP Khử trùng Việt Nam

- » Tiền lương: Bao gồm lương chức danh và các khoản phụ cấp.
- » Lương chức danh: Xác định theo vị trí công việc.
- » Phụ cấp: Bao gồm các khoản phụ cấp sau: Cơm trưa, xăng xe, điện thoại di động, độc hại, thuê nhà, giao tế, qua phà, cầu đường (nhân viên thị trường), thâm niên.

CHẾ ĐỘ THƯỞNG

Để khuyến khích và phát huy năng lực của từng cán bộ công nhân viên (CBCNV), Công ty áp dụng chính sách khen thưởng minh bạch và phúc lợi thiết thực. Bên cạnh mức lương cạnh tranh, nhân viên được xét thưởng dựa trên kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm, nhằm ghi nhận đúng mức độ đóng góp thực chất. Trước năm 2023, Công ty từng triển khai chương trình thưởng cổ phiếu dành cho các cá nhân xuất sắc và có đóng góp nổi bật, qua đó tạo động lực mạnh mẽ để cán bộ nhân viên cố gắng vượt chỉ tiêu và gắn bó dài lâu. Trong giai đoạn hiện nay, VFG tiếp tục duy trì các chính sách khuyến khích tinh thần làm việc thông qua các hình thức thưởng linh hoạt và đầu tư vào phát triển nguồn nhân lực, hướng đến xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp, hiệu quả và đồng hành cùng sự phát triển bền vững của Công ty.

CHẾ ĐỘ LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP

Công ty cam kết bảo vệ quyền lợi của người lao động bằng cách đảm bảo mọi nhân viên, khi ký hợp đồng chính thức, đều tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm bắt buộc, bao gồm Bảo hiểm Xã hội (BHXH), Bảo hiểm Y tế (BHYT) và Bảo hiểm Thất nghiệp (BHTN). Mức lương cơ bản để đóng bảo hiểm được xác định cao hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định, nhằm bảo vệ quyền lợi tài chính của nhân viên.

Ngoài ra, CTCP Khử trùng Việt Nam luôn thực hiện việc tăng lương cơ bản định kỳ, đặc biệt đối với những nhân viên có thành tích làm việc xuất sắc hoặc đảm nhận thêm trách nhiệm. Điều này giúp thúc đẩy sự gắn bó và động lực làm việc của nhân viên, đồng thời ghi nhận sự đóng góp quan trọng của họ đối với sự phát triển của Công ty.

CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI

- » BHXH, BHYT & BHTN: Công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho tất cả CBCNV viên theo quy định của Nhà nước.
- » Khám sức khỏe hàng năm: Duy trì tổ chức khám sức khỏe định kỳ mỗi năm một lần cho cán bộ quản lý và hai lần cho công nhân nhà máy.
- » Quà sinh nhật: Áp dụng cho toàn thể CBCNV Công ty.
- » Du lịch, nghỉ mát hàng năm: Tổ chức hàng năm theo Bộ phận.

Không chỉ đảm bảo CBCNV được tham gia đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước, Công ty còn thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho cán bộ quản lý và cho công nhân nhà máy hai lần mỗi năm, nhằm bảo vệ sức khỏe và tạo môi trường làm việc an toàn hơn. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng đến sự gắn kết và tinh thần của nhân viên. Mỗi năm, CBCNV sẽ nhận được quà sinh nhật, thể hiện sự quan tâm và ghi nhận đóng góp của họ cho công việc. Công ty cũng tổ chức các chuyến du lịch, nghỉ mát hàng năm theo bộ phận, mang đến thời gian thư giãn và gắn kết đồng đội, góp phần xây dựng một môi trường làm việc vui vẻ, năng động và thân thiện.



CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Hạng mục đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tổng mức TH	Tỷ lệ TH	Ghi chú
1	Thay mới số phương tiện vận tải	10.000	11.091	110,91%	
2	Đầu tư phát triển sản phẩm	10.000	11.898	118,98%	
3	Đầu tư nâng cấp hệ thống thiết bị tin học và đầu tư công nghệ số để nâng cao năng lực quản lý hiệu quả	1.000	1.418	141,80%	
4	Đầu tư thêm dây chuyền, thiết bị Nhà máy Long An	5.000	2.578	51,57%	
5	Đầu tư nâng cấp VP CTCP Khử trùng Việt Nam, Chi nhánh	3.000	205	6,83%	
6	Xây dựng Văn phòng điểm kinh doanh Sông Tiền (Hoàn thiện nội thất và trang thiết bị làm việc)	1.000	291	29,10%	
7	Đầu tư mặt bằng sân bãi NM Long An	5.000			Chưa thực hiện (*)
8	Đầu tư trại thí nghiệm Khu vực Đồng Tháp Long An	10.000			Chưa thực hiện (*)
Tổng mức đầu tư		45.000	27.413	60,92%	

Trong năm 2024, VFG đã thực hiện đầu tư với tổng giá trị đạt 27.413 triệu đồng, tương ứng 60,92% kế hoạch được phê duyệt. Một số hạng mục được triển khai vượt tiến độ nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu về quản trị và sản xuất. Tuy nhiên, vẫn còn một số khoản mục chưa được triển khai, Công ty tiếp tục theo dõi và thúc đẩy trong năm 2025 để bảo đảm tiến độ và hiệu quả đầu tư theo định hướng đã đề ra.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Công ty	2023	2024	2024/2023
1	Tổng giá trị tài sản	450.140	116.344	25,85%
2	Doanh thu thuần	65.719	71.928	109,45%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	21.263	21.022	98,87%
4	Lợi nhuận khác	-151	-5	-
5	Lợi nhuận trước thuế	21.112	21.017	99,55%
6	Lợi nhuận sau thuế	16.783	16.762	99,88%

Trong năm 2024, Công ty TNHH Hải Yến đạt 16,78 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Mặc dù tổng tài sản giảm mạnh, giảm khoảng 74,15% so với năm 2023, do tái cơ cấu, tuy nhiên, Hải Yến vẫn duy trì hiệu quả kinh doanh ổn định, cho thấy năng lực vận hành vững vàng và vai trò tài chính chiến lược trong hệ sinh thái VFG. Lợi nhuận từ Hải Yến được giải quyết đóng góp lớn vào lợi nhuận thực hiện 2024.





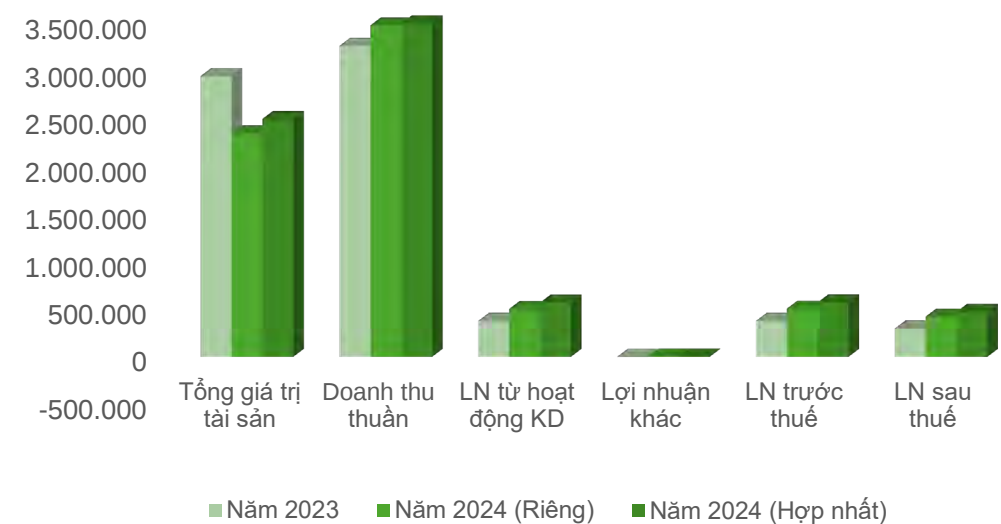
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024 (Riêng)	Năm 2024 (Hợp nhất)	2024/2023
1	Tổng giá trị tài sản	2.945.607,65	2.342.838,77	2.495.777,59	79,54%
2	Doanh thu thuần	3.262.419,85	3.476.799,24	3.497.261,42	106,57%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	376.927,31	502.535,57	568.426,38	133,32%
4	Lợi nhuận khác	-1.194,71	2.115,03	2.109,59	-
5	Lợi nhuận trước thuế	375.732,60	504.650,60	570.535,97	134,31%
6	Lợi nhuận sau thuế	295.577,43	421.556,30	471.270,61	142,62%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	40%	40%	-

(*): Công ty đã tạm ứng 20%/VĐL trong năm 2024 và dự kiến chia bổ sung 20%/VĐL và sẽ trình phương án này tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 sắp tới

Đơn vị tính: Triệu đồng



Năm 2024, VFG đã thực hiện chiến lược tái cơ cấu tài sản, tập trung vào tối ưu hóa dòng tiền và hiệu quả sử dụng nguồn lực, dẫn đến tổng giá trị tài sản giảm 20,46% so với năm 2023, đạt 2.342.839 triệu đồng. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là trong bối cảnh thu hẹp quy mô tài sản, công ty vẫn đạt được sự tăng trưởng mạnh mẽ về lợi nhuận. Doanh thu thuần tăng 6,57%, đạt 3.476.799 triệu đồng, cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn duy trì ổn định. Đặc biệt, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 33,32%, lợi nhuận trước thuế tăng 34,31% và lợi nhuận sau thuế tăng đột phá 42,62%, đạt 421.556 triệu đồng. Sự gia tăng vượt bậc về lợi nhuận so với doanh thu chứng tỏ năng lực kiểm soát chi phí và hiệu quả vận hành của VFG đã được cải thiện đáng kể. Bên cạnh đó, lợi nhuận khác chuyển từ âm sang dương, đạt 2.115 triệu đồng, góp phần vào kết quả tích cực chung. VFG dự kiến tăng tỷ lệ chia cổ tức năm 2024 lên mức 40% mệnh giá cổ phiếu, thể hiện sự ổn định tài chính và cam kết với cổ đông.

TỔNG TÀI SẢN NĂM 2024
2.495.778

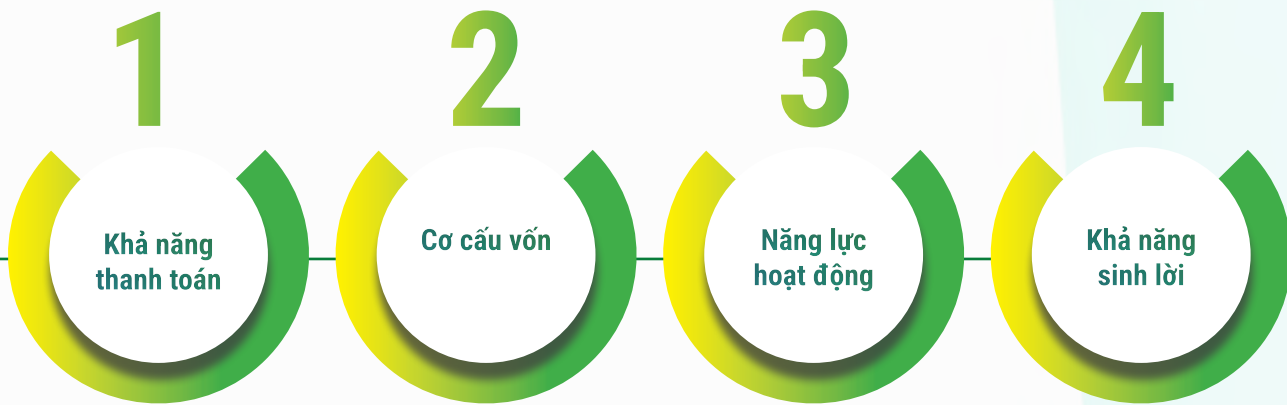
Triệu đồng



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,52	2,48
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,89	1,37
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	57,71	36,32
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	136,48	57,03
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,35	2,57
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,14	1,31
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	9,06	12,12
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	24,79	30,80
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	10,37	15,94
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	11,55	14,45

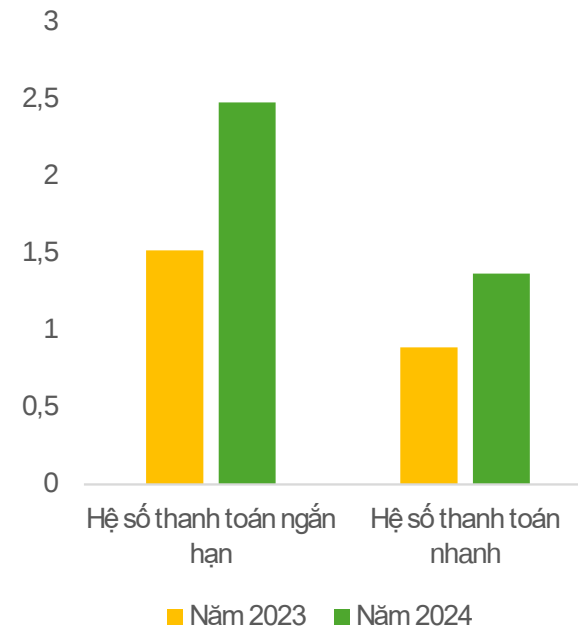
CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH



1

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Năm 2024, khả năng thanh toán của CTCP Khử trùng Việt Nam được cải thiện đáng kể so với năm 2023. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng mạnh từ 1,52 lần lên 2,48 lần, phản ánh sự gia tăng tài sản ngắn hạn hoặc giảm bớt nợ ngắn hạn, giúp công ty có khả năng thanh toán tốt hơn các nghĩa vụ ngắn hạn. Hệ số thanh toán nhanh cũng tăng từ 0,89 lần lên 1,37 lần, cho thấy CTCP Khử trùng Việt Nam có đủ nguồn lực để đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn mà không phụ thuộc quá nhiều vào hàng tồn kho. Sự cải thiện này có thể đến từ việc gia tăng tài sản lưu động, đặc biệt là các khoản phải thu hoặc tiền mặt, giúp công ty trở nên linh hoạt hơn về tài chính. Điều này cũng thể hiện chiến lược quản lý dòng tiền hiệu quả, đảm bảo khả năng thanh toán tốt hơn, giảm rủi ro thanh khoản và củng cố nền tảng tài chính vững chắc cho sự phát triển trong tương lai.



2

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

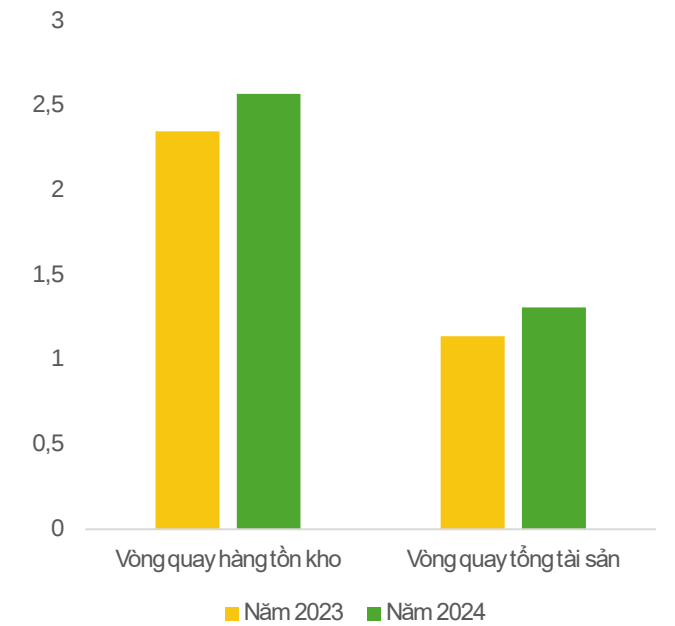
Năm 2024, cơ cấu vốn của CTCP Khử trùng Việt Nam có sự cải thiện rõ rệt, phản ánh xu hướng giảm nợ vay và gia tăng vốn chủ sở hữu, giúp công ty vận hành tài chính an toàn hơn. Hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm mạnh từ 57,71% xuống 36,32%, cho thấy công ty đã cắt giảm đáng kể tỷ trọng nợ trong tổng tài sản, từ đó giảm áp lực tài chính và rủi ro thanh khoản. Đồng thời, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu cũng giảm sâu từ 136,48% xuống 57,03%, phản ánh sự gia tăng nguồn vốn tự có, có thể đến từ lợi nhuận chưa phân phối hoặc kiểm soát tốt chi phí hoạt động. Những thay đổi tích cực này giúp CTCP Khử trùng Việt Nam giảm sự phụ thuộc vào vốn vay, nâng cao tính ổn định tài chính, đồng thời tăng cường khả năng tái đầu tư và mở rộng hoạt động trong tương lai. Việc cơ cấu lại nợ theo hướng lành mạnh hơn không chỉ giúp công ty nâng cao năng lực cạnh tranh mà còn tăng khả năng chống chịu trước các biến động thị trường, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng bền vững.



3

Chỉ tiêu năng lực hoạt động

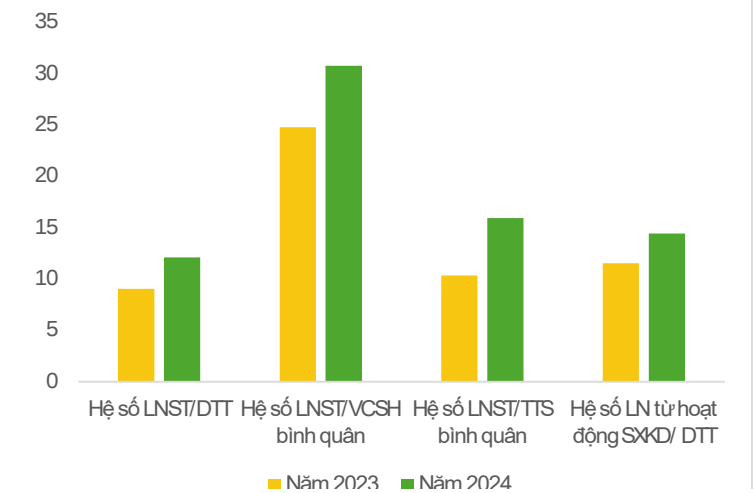
Vòng quay hàng tồn kho năm 2024 của CTCP Khử trùng Việt Nam tăng từ 2,35 vòng lên 2,57 vòng, cho thấy công ty đã tối ưu hóa quản lý hàng tồn kho, giúp giảm thời gian lưu kho và cải thiện hiệu suất sử dụng vốn lưu động. Điều này có thể đến từ việc cải thiện quy trình cung ứng, điều phối hàng hóa hiệu quả hơn hoặc tăng cường hoạt động bán hàng, giúp hàng hóa lưu thông nhanh hơn. Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài sản cũng tăng từ 1,14 vòng lên 1,31 vòng, phản ánh khả năng sử dụng tài sản hiệu quả hơn để tạo ra doanh thu. Sự gia tăng này cho thấy CTCP Khử trùng Việt Nam đã tận dụng tốt hơn nguồn lực sẵn có, tối ưu hóa tài sản và tăng cường hiệu suất hoạt động kinh doanh. Nhìn chung, những chỉ số này cho thấy CTCP Khử trùng Việt Nam đang vận hành ngày càng hiệu quả, cải thiện dòng tiền và quản lý tài sản linh hoạt hơn, tạo nền tảng vững chắc cho sự tăng trưởng.



4

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2024, khả năng sinh lời của CTCP Khử trùng Việt Nam có sự cải thiện mạnh mẽ, phản ánh hiệu quả trong việc gia tăng doanh thu, tối ưu chi phí và nâng cao hiệu suất hoạt động. Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS) tăng từ 9,06% lên 12,12%, cho thấy công ty đã cải thiện biên lợi nhuận, thu về nhiều lợi nhuận hơn trên mỗi đồng doanh thu tạo ra. Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) cũng tăng mạnh từ 24,79% lên 30,80%, thể hiện khả năng sinh lời cao hơn trên vốn chủ sở hữu, mang lại giá trị lớn hơn cho cổ đông. Bên cạnh đó, hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA) tăng từ 10,37% lên 15,94%, cho thấy công ty đã sử dụng tài sản hiệu quả hơn để tạo ra lợi nhuận. Hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần cũng tăng từ 11,55% lên 14,45%, phản ánh sự cải thiện trong hoạt động cốt lõi của doanh nghiệp. Những kết quả này đến từ việc tận dụng tốt cơ hội thị trường, đặc biệt là sự phục hồi mạnh mẽ của ngành nông nghiệp, giúp gia tăng doanh thu đáng kể. Đồng thời, CTCP Khử trùng Việt Nam cũng kiểm soát tốt chi phí, đặc biệt là giảm chi phí bán hàng và các loại chi phí khác, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động và tối đa hóa lợi nhuận.



THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU

➤ **CTCP Khử trùng Việt Nam** được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HoSE”)

➤ **Mã cổ phiếu:** VFG



Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 41.714.614 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 41.712.614 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.000 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (Căn cứ theo Danh sách chốt cổ đông gần nhất tại ngày 31/12/2024)

STT	Đối tượng	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
II	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	2.000	20.000.000	7,282%
IV	Cổ đông trong nước	40.725.252	407.252.520.000	97,63%
1	Cá nhân	17.811.913	178.119.130.000	42,70%
2	Tổ chức	22.913.339	229.133.390.000	54,93%
V	Cổ đông nước ngoài	989.362	9.893.620.000	2,37%
1	Cá nhân	167.236	1.672.360.000	0,40%
2	Tổ chức	822.126	8.221.260.000	1,97%
	TỔNG CỘNG (IV + V)	41.714.614	417.146.140.000	100,00%

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 51% theo Công văn số 937/UBCK-PTTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 02/03/2023 về Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

STT	Lần đăng ký	Thời điểm	SLCP tăng thêm	Giá trị tăng thêm (đồng)	Lý do	Vốn điều lệ sau tăng (đồng)
1	Cấp lần đầu	09/12/2009	8.133.855	81.338.550.000	Đăng ký lần đầu	81.338.550.000
2	Điều chỉnh lần 1	19/07/2010	1.624.589	16.245.890.000	Đăng ký bổ sung Thưởng tỷ lệ 10/2-ĐHCĐTN 2010	97.584.440.000
3	Điều chỉnh lần 2	05/10/2011	2.924.309	29.243.090.000	Đăng ký bổ sung Thưởng tỷ lệ 10/3-ĐHCĐTN 2011	126.827.530.000
4	Điều chỉnh lần 3	01/08/2012	290.000	2.900.000.000	Đăng ký bổ sung- CP ESOP 2011	129.727.530.000
5	Điều chỉnh lần 4	28/02/2013	310.000	3.100.000.000	Đăng ký bổ sung- CP ESOP 2012	132.827.530.000
6	Điều chỉnh lần 5	13/08/2015	4.402.683	44.026.830.000	Đăng ký bổ sung Thưởng tỷ lệ 3/1-ĐHCĐTN 2015	176.854.360.000
7	Điều chỉnh lần 6	06/07/2016	600.000	6.000.000.000	Đăng ký bổ sung Bán ưu đãi CBCNV	182.854.360.000
8	Điều chỉnh lần 7	05/07/2017	5.484.753	54.847.530.000	Đăng ký bổ sung Thưởng tỷ lệ 10/3-ĐHCĐTN 2017	237.701.890.000
9	Điều chỉnh lần 8	19/07/2018	7.130.166	71.301.660.000	Đăng ký bổ sung Thưởng tỷ lệ 10/3-ĐHCĐTN 2018	309.003.550.000
10	Điều chỉnh lần 9	21/08/2018	713.106	7.131.060.000	Đăng ký bổ sung Thưởng CBCNV	316.134.610.000
11	Điều chỉnh lần 10	02/08/2019	475.403	4.754.030.000	Đăng ký bổ sung Thưởng CBCNV	320.888.640.000
12	Điều chỉnh lần 11	31/08/2022	9.625.750	96.257.500.000	Đăng ký bổ sung Thưởng tỷ lệ 10/3-ĐHCĐTN 2022	417.146.140.000

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Phát thải khí nhà kính (GHG), bao gồm CO₂, CH₄ và N₂O, là tác nhân chính gây ra hiệu ứng nhà kính và ngày càng làm trầm trọng hơn tình trạng biến đổi khí hậu, gây ra những hậu quả nặng nề đối với môi trường và kinh tế toàn cầu. Để ứng phó, Châu Âu đã tiên phong triển khai cơ chế điều chỉnh biên giới carbon nhằm thúc đẩy các đối tác xuất khẩu hàng hóa vào khu vực này thực hiện cắt giảm phát thải.

Với hoạt động chính ở lĩnh vực hoá chất, nguồn phát thải của CTCP Khử trùng Việt Nam diễn ra ở cả 3 phạm vi khí thải và ở hầu hết các khâu của chuỗi cung ứng, từ sản xuất đến logistics, đều tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường. Kể cả ở khâu tiêu thụ, việc sử dụng phân bón để gia tăng năng suất cây trồng, đặc biệt là cây lúa, có thể thúc đẩy quá trình chuyển đổi N₂ thành N₂O – một loại khí gây hiệu ứng nhà kính mạnh mẽ. Nhằm hạn chế tối đa tác động tiêu cực này, CTCP Khử trùng Việt Nam cam kết chuyển dịch sang sử dụng năng lượng tái tạo và tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu cho nông dân với mục tiêu hướng dẫn sử dụng phân bón hiệu quả, giảm thiểu dư thừa và hạn chế phát thải khí GHG không cần thiết. Các sáng kiến này không chỉ bảo vệ môi trường mà còn thúc đẩy nền nông nghiệp bền vững, đóng góp vào mục tiêu phát triển xanh của quốc gia trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng.



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Mô hình kinh doanh cốt lõi của Công ty đến từ phân phối các sản phẩm nông dược như thuốc khử trùng, thuốc diệt cỏ, phân bón, giống lúa, và các vật tư nông nghiệp khác. Vì vậy, để đảm bảo nguồn cung hợp quy về chất lượng, Công ty ưu tiên lựa chọn các đối tác quốc tế uy tín với quy trình vận chuyển và bảo quản nghiêm ngặt. Các đơn vị quản lý kho và đại lý của Công ty được thực hiện kiểm tra định kỳ, nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo quản và duy trì chất lượng sản phẩm trong suốt quá trình lưu kho.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn cung cấp nước chính của CTCP Khử trùng Việt Nam đến từ hệ thống đường ống dẫn nước của địa phương, bao gồm các hồ chứa và nhà máy xử lý nước. Trong năm 2024, CTCP Khử trùng Việt Nam cũng chú trọng tái sử dụng nước, với 4.224 m³ nước cấp từ công ty cung ứng và 165,5 m³ nước RO thu hồi sau xử lý, giúp tối ưu hóa tài nguyên và giảm thiểu tác động đến môi trường. Những biện pháp này không chỉ giúp công ty nâng cao hiệu suất hoạt động, mà còn thể hiện cam kết của CTCP Khử trùng Việt Nam trong việc hướng đến phát triển bền vững, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.



TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Năm 2024, CTCP Khử trùng Việt Nam tiêu thụ khoảng 185.118 kWh điện lưới Việt Nam và 2.630 lít dầu DO để phục vụ nhu cầu sản xuất, vận hành và kinh doanh. Nguồn năng lượng này đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của công ty, do đó CTCP Khử trùng Việt Nam luôn chú trọng xây dựng chính sách sử dụng năng lượng hiệu quả nhằm tối ưu chi phí và giảm thiểu tác động đến môi trường.

Trong năm, công ty đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức nội bộ về tiết kiệm năng lượng, đồng thời kiểm tra định kỳ, bảo trì thiết bị nhằm đảm bảo vận hành tối ưu. Đối với các thiết bị cũ, CTCP Khử trùng Việt Nam đã có những giải pháp nâng cấp hoặc thay thế bằng thiết bị tiết kiệm nhiên liệu, giúp giảm tiêu hao điện năng và nhiên liệu, hạn chế lãng phí.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

i. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Năm 2024, tổng số lượng người lao động làm việc tại CTCP Khử trùng Việt Nam là 1.443 người và mức lương trung bình là 16 triệu đồng, tăng 14,29% so với năm 2023. Mức lương cơ bản được xác định để làm cơ sở đóng bảo hiểm bắt buộc cho nhân viên luôn được thiết lập cao hơn so với mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Chính phủ. CTCP Khử trùng Việt Nam cam kết thực hiện việc tăng lương cơ bản định kỳ cho nhân viên. Số lượng nhân viên được điều chỉnh tăng lương sẽ bao gồm những người có hiệu suất làm việc xuất sắc hoặc phải đảm nhận thêm trách nhiệm công việc.

ii. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

CTCP Khử trùng Việt Nam cam kết bảo vệ quyền lợi người lao động và thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm bắt buộc như Bảo hiểm Xã hội, Y tế và Thất nghiệp, đồng thời tổ chức giờ làm việc từ thứ Hai đến thứ Bảy, mỗi ngày 8 giờ, và đảm bảo được sắp xếp thời gian nghỉ bù khi làm thêm giờ. Nhân viên được nghỉ lễ, tết theo Bộ luật Lao động và có 12 ngày nghỉ phép mỗi năm nếu đã làm việc trên 12 tháng. Thời gian nghỉ phép có thể được phân chia linh hoạt hoặc nghỉ liên tục, và kéo dài đến hết quý 01 năm tiếp theo. Công ty cũng duy trì chế độ hỗ trợ lương cho nhân viên nghỉ ốm hoặc nghỉ thai sản ngoài chế độ bảo hiểm Nhà nước. Bên cạnh đó, Công đoàn Công ty còn tổ chức các hoạt động động viên, khen thưởng cho con em nhân viên đạt thành tích học tập xuất sắc và hỗ trợ nhân viên trong các tình huống khẩn cấp như ốm đau, tang gia hay khó khăn đột xuất, nhằm thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến phúc lợi của nhân viên.

iii. Hoạt động đào tạo người lao động

Nhằm tập trung phát triển nguồn nhân lực, CTCP Khử trùng Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên tham gia các khóa đào tạo chuyên môn. Bên cạnh đó, Công ty còn thiết lập riêng quỹ đào tạo để khuyến khích phát triển chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ. Công ty tập trung đào tạo trong các lĩnh vực như khử trùng và PCO, với nhiều chương trình đào tạo tổ chức cho nhân viên ở các chi nhánh. Những nỗ lực này không chỉ phát triển đội ngũ nhân viên mà còn đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực đóng góp vào sự phát triển lâu dài của Công ty.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

CTCP Khử trùng Việt Nam luôn đặt trách nhiệm xã hội song hành với hoạt động kinh doanh, coi đó là yếu tố then chốt góp phần vào sự bền vững của cộng đồng và sự phát triển đất nước. Công ty tin rằng việc thực hiện trách nhiệm xã hội không chỉ mang lại những giá trị tích cực mà còn giúp đảm bảo sự phát triển dài lâu của chính mình. Trong ngành nông dược và thuốc khử trùng, CTCP Khử trùng Việt Nam nhận thức rõ vai trò quan trọng của nông dân như những đối tác chiến lược. Vì vậy, từ khi thành lập, CTCP Khử trùng Việt Nam luôn hỗ trợ và đồng hành cùng bà con nông dân, cung cấp các giải pháp và nguồn lực thiết thực để thúc đẩy phát triển các thực hành nông nghiệp bền vững.



CTCP Khử trùng Việt Nam luôn đặt ưu tiên cao trong việc tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn lao động và duy trì môi trường làm việc sạch sẽ. Với cam kết bảo vệ môi trường, Công ty luôn chủ động cập nhật và thực hiện nghiêm túc các quy định pháp lý liên quan, nhờ vậy mà không có bất kỳ vi phạm nào trong năm qua. Bên cạnh đó, CTCP Khử trùng Việt Nam tích cực tổ chức các hoạt động tuyên truyền và giáo dục về bảo vệ môi trường cho toàn bộ nhân viên, khuyến khích mỗi cá nhân đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng và môi trường.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Thị trường vốn xanh đóng vai trò quan trọng trong việc huy động vốn cho các dự án hoặc ý tưởng kinh doanh hướng tới phát triển bền vững và bảo vệ môi trường. Mục tiêu là sáng kiến ra các sản phẩm tài chính xanh và tạo điều kiện thuận lợi cho các chương trình thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Mặc dù hiện tại CTCP Khử trùng Việt Nam chưa tham gia vào thị trường vốn xanh, Công ty vẫn thực hiện các cam kết mạnh mẽ trong việc giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, chủ trương tích hợp các giải pháp bền vững vào kế hoạch phát triển dài hạn, và chủ động hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nhằm thúc đẩy hoạt động bảo vệ môi trường. Những nỗ lực này tạo nền tảng thuận lợi cho CTCP Khử trùng Việt Nam tham gia vào thị trường vốn xanh trong tương lai.





CHƯƠNG III

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty



PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2024 ghi dấu mốc quan trọng trong hành trình 50 năm hình thành và phát triển của CTCP Khử trùng Việt Nam, trong bối cảnh môi trường kinh tế – xã hội tiếp tục có nhiều biến động. Mặc dù chịu ảnh hưởng bởi tình hình địa chính trị, biến động tỷ giá, chi phí logistics tăng và áp lực cạnh tranh trong ngành, CTCP Khử trùng Việt Nam vẫn đạt được kết quả kinh doanh tích cực vượt kế hoạch đề ra, nhờ sự điều hành linh hoạt, tận dụng hiệu quả cơ hội từ thị trường và năng lực nội tại vững vàng.

VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

- ◆ Doanh thu riêng đạt 3.787 tỷ đồng, tăng 6,5% so với năm 2023 và hoàn thành 102,6% kế hoạch.
- ◆ Lợi nhuận trước thuế riêng đạt 505 tỷ đồng, tăng 34,3% và vượt 33,2% kế hoạch.
- ◆ Lợi nhuận sau thuế riêng đạt 422 tỷ đồng, tăng mạnh 42,6%, hoàn thành 140,5% kế hoạch.
- ◆ Doanh thu hợp nhất đạt 3.807 tỷ đồng, tăng 7%; lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 571 tỷ đồng, tăng 51,9%, và lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 471 tỷ đồng, tăng 59,1% so với năm 2023.

Kết quả kinh doanh năm 2024 cải thiện rõ rệt về hiệu quả hoạt động và khả năng sinh lời. Đặc biệt, lợi nhuận từ công ty con Hải Yến sau khi được hợp nhất đã đóng góp đáng kể vào kết quả chung, giúp CTCP Khử trùng Việt Nam có thêm nguồn lực tài chính để tái đầu tư và mở rộng.

Thuận lợi

Năm 2024, bối cảnh kinh tế vĩ mô và diễn biến tích cực từ ngành nông nghiệp tiếp tục mang lại nhiều thuận lợi cho hoạt động sản xuất – kinh doanh của CTCP Khử trùng Việt Nam. Giá nông sản duy trì ở mức cao, đặc biệt là mặt hàng gạo – với kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng mạnh – đã thúc đẩy nhu cầu đầu tư vào các sản phẩm đầu vào như giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật và dịch vụ khử trùng. Đây là điều kiện thuận lợi để Công ty mở rộng thị phần và tăng trưởng doanh thu.

Cùng với đó, sự sôi động của thị trường xuất khẩu và việc duy trì ổn định các mối quan hệ với khách hàng lớn đã giúp CTCP Khử trùng Việt Nam củng cố vững chắc mạng lưới tiêu thụ sản phẩm. Các sản phẩm chiến lược mới như Pexena Cốm, Incipio Xanh tiếp tục được thị trường đón nhận tích cực, góp phần đa dạng hóa danh mục sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Bên cạnh đó, năng lực tài chính ổn định, kênh phân phối hoạt động hiệu quả, cùng với sự đồng hành từ các đối tác chiến lược, đã tạo nền tảng vững chắc để CTCP Khử trùng Việt Nam tận dụng cơ hội thị trường, duy trì đà tăng trưởng bền vững trong năm.

Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, CTCP Khử trùng Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức trong quá trình triển khai hoạt động sản xuất – kinh doanh. Giá nguyên vật liệu đầu vào, đặc biệt là hóa chất và sản phẩm nhập khẩu, tiếp tục duy trì ở mức cao, gây áp lực lớn đến biên lợi nhuận và kế hoạch chi phí. Phần lớn nguồn hàng của Công ty được nhập khẩu từ các đối tác quốc tế như Nhật Bản, Hoa Kỳ và Israel, do đó biến động tỷ giá USD/VND trong năm đã ảnh hưởng trực tiếp đến giá vốn và kế hoạch nhập hàng.

Thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt, không chỉ đến từ các tập đoàn đa quốc gia có tiềm lực mạnh mà còn từ các doanh nghiệp nhỏ lẻ áp dụng chính sách giá linh hoạt, gây áp lực lên hệ thống phân phối và chiết khấu. Trong khi đó, niềm tin của đại lý tại một số khu vực chưa thực sự ổn định, đòi hỏi Công ty cần tiếp tục tăng cường công tác hỗ trợ bán hàng và phát triển hệ thống phân phối chuyên sâu.

Ngoài ra, những biến động khó lường từ thời tiết và dịch bệnh, cùng với việc siết chặt các chính sách quản lý – thuế của Nhà nước, cũng đặt ra yêu cầu ngày càng cao trong việc điều hành linh hoạt và kiểm soát rủi ro của doanh nghiệp.

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

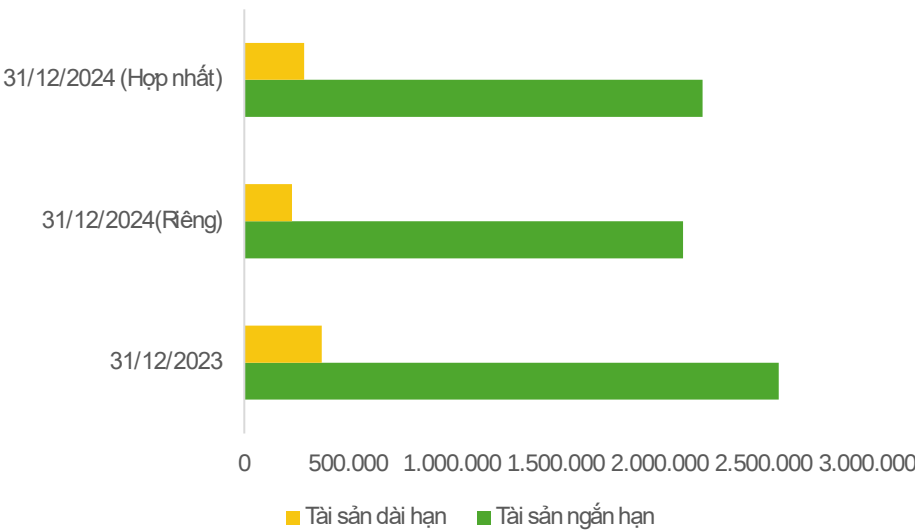
Năm 2024 đánh dấu một bước tiến quan trọng của CTCP Khử trùng Việt Nam trong nhiều phương diện, thể hiện qua kết quả kinh doanh vượt kế hoạch và những chuyển biến rõ nét trong quản trị, sản xuất – vận hành và định hướng phát triển bền vững, cụ thể:

- Công ty đạt doanh thu thuần 3.787 tỷ đồng, tăng 6,5% so với năm 2023 và hoàn thành 102,6% kế hoạch. Đặc biệt, lợi nhuận trước thuế đạt 505 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 422 tỷ đồng, lần lượt vượt 33,2% và 40,5% so với kế hoạch, phản ánh sự cải thiện rõ rệt về hiệu quả hoạt động. Biên lợi nhuận gộp và biên lợi nhuận ròng đều được nâng cao, nhờ kiểm soát tốt giá vốn, chi phí và tận dụng hiệu quả các cơ hội tài chính.
- Năng lực sản xuất được duy trì ổn định, chất lượng sản phẩm đảm bảo, trong khi chuỗi cung ứng vận hành hiệu quả đã giúp giảm tồn kho và tối ưu hóa dòng tiền. Công ty cũng từng bước ứng dụng công nghệ để cải tiến quy trình sản xuất – vận hành, giảm thiểu sai sót và tiết kiệm nguồn lực.
- Tổng vốn đầu tư thực hiện trong năm đạt 27.413 triệu đồng, tương ứng 61% kế hoạch, trong đó một số hạng mục quan trọng như phát triển sản phẩm (119%) và nâng cấp công nghệ tin học (142%) được ưu tiên vượt kế hoạch. Điều này cho thấy định hướng đầu tư vào đổi mới và chuyển đổi số đang được triển khai mạnh mẽ, tạo tiền đề nâng cao năng lực cạnh tranh trong dài hạn.
- Các sản phẩm chiến lược mới như Pexena Cốm, Incipio Xanh tiếp tục được thị trường đón nhận tích cực. Hệ thống phân phối hoạt động ổn định, dịch vụ chăm sóc khách hàng được cải thiện đáng kể, góp phần giữ vững thị phần và nâng cao hình ảnh thương hiệu.
- Công ty tiếp tục giảm tồn kho, thu hồi công nợ hiệu quả, không phát sinh nợ xấu và giữ vững cơ cấu vốn hợp lý. Đồng thời, Công ty đã giải quyết dứt điểm các tranh chấp đầu tư quan trọng, tạo sự minh bạch và ổn định trong hoạt động tài chính.
- Tỷ lệ người lao động gắn bó trên 5 năm tăng từ 50,3% lên 55,4%, nhờ môi trường làm việc ổn định, chính sách nhân sự phát huy hiệu quả. Nhiều chương trình đào tạo được tổ chức, nhất là trong lĩnh vực khử trùng và PCO, giúp nâng cao năng lực chuyên môn và tinh thần gắn bó của đội ngũ.



TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Khoản mục	31/12/2023		31/12/2024(Riêng)		31/12/2024 (Hợp nhất)		% tăng/giảm
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	2.572.763	87,34%	2.112.690	90,18%	2.206.932	88,43%	82,12%
Tài sản dài hạn	372.845	12,66%	230.149	9,82%	288.845	11,57%	61,73%
Tổng tài sản	2.945.608	100,00%	2.342.839	100,00%	2.495.778	100,00%	79,54%



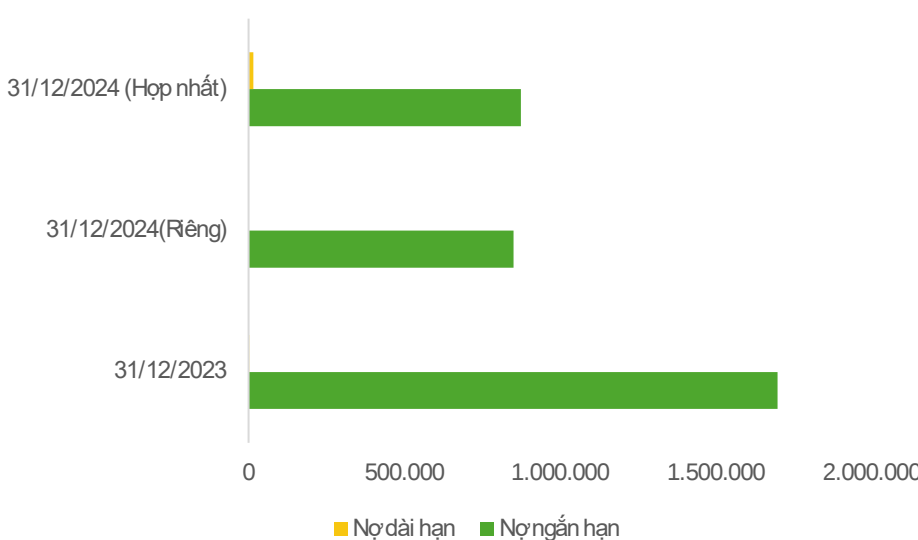
Tại thời điểm ngày 31/12/2024, tổng tài sản hợp nhất của CTCP Khử trùng Việt Nam đạt 2.495.778 triệu đồng, giảm 15,27% so với năm 2023 (tương đương còn 84,73% so với cùng kỳ). Trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng chủ đạo, ở mức 88,43%, tăng nhẹ so với mức 87,34% của năm trước; còn lại là tài sản dài hạn chiếm 11,57%, giảm từ mức 12,66%.

Tài sản ngắn hạn giảm còn 2.206.932 triệu đồng, tương đương 85,78% so với năm 2023. Mức giảm này đến từ chủ trương của Công ty trong việc giảm lượng tồn kho và thu hồi công nợ, qua đó tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn lưu động. Đồng thời, việc phân bổ lại nguồn lực tài chính cũng giúp Công ty chủ động hơn trong kiểm soát rủi ro dòng tiền.

Tài sản dài hạn hợp nhất tại thời điểm cuối năm là 288.845 triệu đồng, giảm 22,53% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc đã hoàn tất xử lý tranh chấp đầu tư vào công ty con Hải Yến, khiến giá trị ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn giảm đáng kể so với năm trước.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Khoản mục	31/12/2023		31/12/2024(Riêng)		31/12/2024 (Hợp nhất)		% tăng/giảm
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	1.697.987	99,88%	850.541	99,96%	873.604	98,17%	50,09%
Nợ dài hạn	1.993	0,12%	370	0,04%	16.297	1,83%	18,59%
Tổng nợ phải trả	1.699.980	100%	850.912	100%	889.901	100%	50,05%



Tính đến ngày 31/12/2024, tổng nợ phải trả hợp nhất của CTCP Khử trùng Việt Nam là 889.901 triệu đồng, giảm mạnh 48,55% so với thời điểm cuối năm 2023. Trong đó, nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn (98,25%), đạt 873.604 triệu đồng, giảm gần một nửa so với mức 1.697.987 triệu đồng của năm trước.

Mức giảm đáng kể của nợ ngắn hạn cho thấy CTCP Khử trùng Việt Nam đã có bước tiến rõ rệt trong việc củng cố năng lực tài chính và kiểm soát rủi ro thanh khoản. Công ty đã chủ động thu hẹp dư nợ phải trả, đặc biệt là khoản vay ngắn hạn, nhằm giảm chi phí tài chính và tăng tính chủ động trong điều hành vốn.

Tỷ trọng nợ trong cơ cấu tài chính của Công ty cũng được cải thiện rõ nét, hỗ trợ tích cực cho tỷ lệ đòn bẩy tài chính và giúp gia tăng khả năng hấp thụ rủi ro trong các giai đoạn thị trường biến động. Việc chuyển dịch từ sử dụng vốn vay sang tối ưu hóa nguồn lực nội tại và hiệu quả dòng tiền kinh doanh là dấu hiệu tích cực, thể hiện định hướng tài chính an toàn và bền vững của CTCP Khử trùng Việt Nam trong trung – dài hạn.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2024, CTCP Khử trùng Việt Nam đã thực hiện rà soát toàn diện các phòng ban để đánh giá lại hiệu quả hoạt động. Dựa trên kết quả này, Công ty tiến hành chuẩn hóa lại cơ cấu tổ chức và xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận. Ban lãnh đạo sử dụng báo cáo và hệ thống KPI để giám sát hoạt động, điều chỉnh chính sách kịp thời nhằm cắt giảm chi phí không hiệu quả và tăng cường năng suất làm việc. Những cải tiến này đã giúp Công ty giảm đáng kể chi phí vận hành và loại bỏ nhiều điểm trong vận hành



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực hoạt động	TH 2024 (Riêng)	TH 2024 (Hợp nhất)	KH 2025
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.476.799,24	3.497.261,42	3.960.000
2	Lợi nhuận trước thuế	504.650,60	570.535,97	470.000
3	Lợi nhuận sau thuế	421.556,30	471.270,61	365.000

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT ĐẦU TƯ 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Hạng mục đầu tư	Dự kiến ngân sách đầu tư 2025
1	Thay mới số phương tiện vận tải	7.000
2	Đầu tư khảo nghiệm và phát triển sản phẩm	10.000
3	Đầu tư nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý kinh doanh và thiết bị tin học	5.000
4	Đầu tư cải tạo các nhận diện mới cho văn phòng Chi nhánh, các Điểm kinh doanh và nhà phân phối	5.000
5	Đầu tư thêm dây chuyền, thiết bị, nâng cấp nền kho Nhà máy Long An	5.000
Tổng ngân sách dự kiến đầu tư		32.000



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính của CTCP Khử trùng Việt Nam là ý kiến chấp nhận toàn phần. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không có giải trình gì thêm.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG



Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông dược và giống cây trồng – ngành có đặc thù tiềm ẩn nhiều rủi ro môi trường – CTCP Khử trùng Việt Nam luôn đặt ưu tiên cao trong việc giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái thông qua việc xanh hóa quy trình sản xuất, kiểm soát phát thải khí nhà kính và xử lý chất thải hiệu quả. Công ty hướng tới mục tiêu xây dựng một môi trường sản xuất sạch, an toàn và thân thiện, đồng thời tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng và tài nguyên nước tại tất cả các đơn vị vận hành.

CTCP Khử trùng Việt Nam chủ động triển khai nhiều chương

trình tuyên truyền và giáo dục nội bộ nhằm nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường trong toàn hệ thống. Các hội thảo chuyên đề về xử lý chất thải, tiết kiệm năng lượng, phân loại rác và giảm phát thải GHG được tổ chức thường xuyên, góp phần hình thành thói quen sống xanh trong từng cán bộ nhân viên. Những sáng kiến này không chỉ mang lại hiệu quả môi trường lâu dài mà còn góp phần khẳng định cam kết của CTCP Khử trùng Việt Nam trong chiến lược phát triển bền vững, gắn kết chặt chẽ với cộng đồng, khách hàng, đối tác và người lao động.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

CTCP Khử trùng Việt Nam xem nguồn nhân lực là nền tảng quan trọng cho sự phát triển bền vững, do đó Công ty luôn chú trọng bảo vệ quyền lợi và nâng cao đời sống của người lao động. Trong năm 2024, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với Công đoàn để đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách về lương, thưởng, bảo hiểm và chế độ phúc lợi.

Bên cạnh việc xây dựng môi trường làm việc hài hòa, gắn kết, Công ty còn tổ chức các đợt khám sức khỏe định kỳ, nâng cao sức khỏe thể chất cho người lao động, tạo điều kiện làm việc ổn định và lâu dài. Những hoạt động này thể hiện sự quan tâm thực chất, không chỉ về mặt chính sách mà còn ở phương diện tinh thần, góp phần gia tăng mức độ hài lòng và gắn bó của đội ngũ.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trong năm, Công ty đã tích cực triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ cộng đồng như: thăm hỏi hộ gia đình khó khăn, trao học bổng cho học sinh nghèo hiếu học, tổ chức các chương trình thiện nguyện tại địa phương có hoạt động sản xuất – kinh doanh. Những chương trình này không chỉ mang lại giá trị thiết thực mà còn góp phần xây dựng nền tảng phát triển bền vững cho cộng đồng.

Ngoài ra, CTCP Khử trùng Việt Nam còn tổ chức các chương trình tư vấn kỹ thuật và hỗ trợ canh tác cho bà con nông dân, nhất là trong bối cảnh chi phí đầu vào như giống, nông dược và dịch vụ tăng cao. Thông qua việc đồng hành cùng người nông dân, Công ty tiếp tục khẳng định vai trò doanh nghiệp trách nhiệm, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng nông nghiệp Việt Nam.





CHƯƠNG IV

Đánh giá của Hội đồng quản trị
về hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban TGD công ty
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Năm 2024, mặc dù bối cảnh kinh tế vĩ mô và ngành nông nghiệp – nông thực vẫn còn tiềm ẩn nhiều thách thức, đặc biệt là áp lực từ giá nguyên vật liệu, tỷ giá và cạnh tranh thị trường, Công ty vẫn đạt được kết quả sản xuất – kinh doanh tích cực, hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Doanh thu, lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều tăng trưởng ấn tượng so với cùng kỳ và kế hoạch năm, thể hiện sự điều hành hiệu quả và chủ động từ Ban Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực, tinh thần trách nhiệm và sự linh hoạt trong điều hành của Ban lãnh đạo và toàn thể đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty.

Bên cạnh các chỉ tiêu kinh doanh, Hội đồng quản trị Công ty duy trì và tăng cường các hoạt động liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội, đặc biệt trong bối cảnh nhận thức toàn cầu về phát triển bền vững ngày càng cao. Trong năm, CTCP Khử trùng Việt Nam đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời chủ động triển khai nhiều chương trình giảm thiểu phát thải,

tiết kiệm năng lượng và tái sử dụng tài nguyên nước.

Công ty cũng thường xuyên tổ chức các chương trình nội bộ nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, trong đó có hoạt động phân loại rác tại nguồn, tuyên truyền tiết kiệm điện, nước, xăng dầu, và cải tiến quy trình xử lý chất thải. Những hoạt động này không chỉ thể hiện sự tuân thủ pháp luật mà còn là minh chứng rõ ràng cho cam kết của CTCP Khử trùng Việt Nam trong chiến lược phát triển bền vững.

Trong lĩnh vực xã hội, CTCP Khử trùng Việt Nam tiếp tục phát huy vai trò là một doanh nghiệp đồng hành cùng cộng đồng – đặc biệt là bà con nông dân – thông qua các chương trình hỗ trợ kỹ thuật canh tác, hội thảo tư vấn và chính sách chăm sóc khách hàng. Các hoạt động thiện nguyện như trao học bổng, hỗ trợ gia đình khó khăn, phối hợp với địa phương trong các chương trình xã hội cũng được duy trì thường xuyên, góp phần nâng cao hình ảnh và uy tín của doanh nghiệp trong cộng đồng.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng quản trị đã theo dõi sát sao quá trình điều hành của Ban Tổng Giám đốc và đánh giá cao tinh thần trách nhiệm, tính chủ động và sự chuyên nghiệp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Cụ thể:

- Các thành viên Ban điều hành có năng lực chuyên môn vững vàng, nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, và luôn chủ động trong công tác điều hành, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được phân công.
- Tổng Giám đốc đã phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng Giám đốc, duy trì họp giao ban định kỳ để đánh giá tiến độ và chất lượng công việc.
- Hoạt động sản xuất – kinh doanh được triển khai bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, bảo đảm tuân thủ Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
- Ban điều hành chủ động nhận diện các yếu tố rủi ro, kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn nội bộ nhằm kiểm soát và phòng ngừa rủi ro trong hoạt động vận hành, đặc biệt tại các khâu sản xuất, tài chính và phân phối.
- Hàng quý, Ban điều hành tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, báo cáo minh bạch tình hình hoạt động SXKD, đề xuất các giải pháp cải tiến và hoàn thiện công tác quản lý.
- Công tác tài chính – kế toán được thực hiện đúng chế độ, sổ sách rõ ràng, công tác kiểm kê tài sản đầy đủ và chính xác, không xảy ra mất mát hay sai lệch.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2024 tiếp tục là một năm ghi dấu ấn quan trọng trong hành trình phát triển của CTCP Khử trùng Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh ngành nông nghiệp Việt Nam duy trì được đà tăng trưởng tích cực và hoạt động xuất khẩu gạo đạt nhiều thành tựu nổi bật. Nhờ đó, CTCP Khử trùng Việt Nam đã tận dụng hiệu quả các điều kiện thuận lợi của thị trường để đạt được kết quả kinh doanh vượt kế hoạch, với doanh thu thuần hợp nhất đạt 3.497,6 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ, và lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 470,6 tỷ đồng, tăng 59,1% so với năm 2023.

Trên cơ sở phân tích diễn biến thị trường, năng lực nội tại về tài chính, nhân sự và hệ thống vận hành hiện có, Hội đồng quản trị đã thống nhất đề xuất kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực hoạt động	TH 2024 (Riêng)	TH 2024 (Hợp nhất)	KH 2025
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.476.799,24	3.497.261,42	3.960.000
2	Lợi nhuận trước thuế	504.650,60	570.535,97	470.000
3	Lợi nhuận sau thuế	421.556,30	471.270,61	365.000

Để hiện thực hóa các mục tiêu đề ra, Hội đồng quản trị xác định các định hướng trọng tâm như sau:

Tăng cường quản lý rủi ro và ứng phó linh hoạt:

Tiếp tục theo dõi sát biến động giá nguyên liệu, tỷ giá và tình hình địa chính trị để chủ động điều chỉnh kế hoạch nhập hàng, sản xuất và phân phối.

Nâng cao hiệu suất hoạt động và tối ưu chi phí:

Thúc đẩy các sáng kiến cải tiến quy trình, ứng dụng công nghệ nhằm tối ưu chi phí vận hành, nâng cao năng suất và biên lợi nhuận.

Phát triển và duy trì quan hệ với đối tác, khách hàng:

Củng cố hệ thống phân phối hiện hữu, phát triển kênh phân phối mới và nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng, đặc biệt tại thị trường nông nghiệp trọng điểm.

Tập trung phát triển nguồn nhân lực:

Đẩy mạnh đào tạo chuyên môn, kỹ năng lãnh đạo và quản trị cho đội ngũ cán bộ chủ chốt, đồng thời xây dựng môi trường làm việc tích cực, khuyến khích đổi mới và sáng tạo.

Tuân thủ pháp luật và chuẩn mực quản trị:

Nâng cao chất lượng công bố thông tin, đảm bảo minh bạch trong quản trị điều hành và tăng cường vai trò giám sát của Hội đồng quản trị đối với hoạt động của Ban điều hành.

Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D):

Tăng cường ngân sách và nguồn lực cho nghiên cứu sản phẩm mới, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ xanh và sản phẩm nông nghiệp bền vững.



CHƯƠNG V

Quản trị công ty

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát



DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD	565.068	1,35%
2	Trương Công Cứ	Thành viên HĐQT kiêm TGD	779.751	1,87%
3	Trần Văn Dũng	Thành viên HĐQT, Phó TGD phụ trách tài chính, người được ủy quyền CBTT	3.995	0,01%
4	Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên HĐQT	0	0,00%
5	Mai Tuấn Anh	Thành viên HĐQT độc lập	14.069	0,03%

BÀ NGUYỄN BẠCH TUYẾT – CHỦ TỊCH HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 565.068 cổ phần chiếm 1,35% vốn điều lệ.

Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không sở hữu chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty khác.

Chức danh quản lý do thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác: Tổng giám đốc Công ty TNHH Hải Yến

ÔNG TRƯƠNG CÔNG CỨ - THÀNH VIÊN HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 779.751 cổ phần chiếm 1,87% vốn điều lệ

Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không sở hữu chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty khác.

Chức danh quản lý do thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác: Không có

ÔNG TRẦN VĂN DŨNG – THÀNH VIÊN HĐQT, PHÓ TGD PHỤ TRÁCH TÀI CHÍNH, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 3.995 cổ phần chiếm 0,01% vốn điều lệ

Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý do thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác: Không có

BÀ NGUYỄN VŨ THÙY HƯƠNG – THÀNH VIÊN HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 0% tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty

Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn PAN

Chức danh quản lý do thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác: Giám đốc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính kiêm Giám đốc Khối Đầu Tư tại CTCP Chứng khoán SSI

ÔNG MAI TUẤN ANH – THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 14.069 Cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ

Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý do thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác: Không có

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT (không điều hành)		25/04/2024

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm.

- HĐQT luôn theo dõi sát hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên.
- Chỉ đạo Tổng Giám Đốc lập kế hoạch kinh doanh 2024 để HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2024.
- Chỉ đạo triển khai và giám sát việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024 theo kế hoạch đã được HĐQT thông qua.
- Giám sát việc chấp hành các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Giám sát việc lập các Báo cáo tài chính trong kỳ.
- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát hoạt động của Ban điều hành đã thực hiện theo quy định của Điều lệ và các Quy chế hoạt động của Công ty.
- HĐQT đánh giá: Tổng Giám Đốc đã điều hành các hoạt động của Công Ty tuân thủ các Quy chế nội bộ hiện hành, Quy chế quản trị của Công ty, Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

Nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch	12/12	100%	
2	Trương Công Cứ	Thành viên	12/12	100%	
3	Trần Văn Dũng	Thành viên	12/12	100%	
4	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	04/04	100%	Miễn nhiệm ngày 25/04/2024
5	Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên	12/12	100%	
6	Mai Tuấn Anh	Thành viên	12/12	100%	

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2024, các cuộc họp HĐQT được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp kết hợp họp trực tuyến. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	01/2024/NQ-HĐQT	17/01/2024	Nghị quyết thông qua: + Báo cáo tài chính Q4/2023 và kết quả kinh doanh trong năm 2023 + Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2023 với tỷ lệ 10% + Thông qua kế hoạch Quỹ tiền lương Công Ty 2024 + Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với người có liên quan năm 2024	100%
2.	03/2024/NQ-HĐQT	06/03/2024	Nghị quyết thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2024: + Thời gian dự kiến tổ chức: 25/04/2024 + Địa điểm tổ chức: Phòng họp Lầu 11, Tòa nhà CTCP Khử trùng Việt Nam TOWER, 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM. + Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông 27/03/2024.	100%
3.	04/2024/NQ-HĐQT	04/04/2024	Nghị quyết Trình Đại Hội cổ đông các tài liệu sau: 1. Dự thảo Báo cáo của Hội đồng quản trị 2023 2. Báo cáo Tài chính năm 2023 đã kiểm toán; 3. Dự thảo báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 4. Dự thảo Tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 5. Tờ trình Kế hoạch kinh doanh và đầu tư năm 2024; 6. Tờ trình về mức thù lao Hội đồng quản trị, lương Ban kiểm soát năm 2024 7. Dự thảo Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024; 8. Dự thảo Quy chế làm việc ĐHCĐTN 2024. Thông qua chủ trương hợp tác giao dịch các dịch vụ ngân hàng và ký hợp đồng hạn mức tín dụng với các Ngân hàng 2024 với tổng hạn mức là 1.190.000.000.000 đồng	100%
4	06/2024/NQ-HĐQT	16/04/2024	Nghị quyết thông qua: + Báo cáo Tài chính Quý 1/2024	100%
5	08/2024/NQ-HĐQT	14/05/2024	Nghị quyết thông qua: + Chi trả cổ tức đợt 3 năm 2023	100%





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
6	10/2024/NQ-HĐQT	28/05/2024	Nghị quyết thông qua: + Để thực hiện soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính Công ty cổ phần Khử trùng Việt Nam năm 2024	100%
7	13/2024/NQ-HĐQT	18/07/2024	Nghị quyết thông qua: + BCTC Quý 2/2024	100%
8	16/2024/NQ-HĐQT	29/07/2024	Nghị quyết thông qua: + Danh sách giao dịch giữa Công Ty với người có liên quan và nội dung giao dịch	100%
9	20/2024/NQ-HĐQT	27/09/2024	Nghị quyết thông qua: + Phương án giải quyết quyền lợi của các cá nhân góp vốn đầu tư xây dựng khách sạn Novotel (Cty TNHH Hải Yến)	
10	22/2024/NQ-HĐQT	14/10/2024	Nghị quyết thông qua: + Bổ sung Danh sách giao dịch giữa Công Ty với người có liên quan và nội dung giao dịch	
11	24/2024/NQ-HĐQT	22/10/2024	Nghị quyết thông qua: + BCTC Quý 3/2024(BC Riêng & BC Hợp nhất)	
12	26/2024/NQ-HĐQT	30/12/2024	Nghị quyết thông qua: + Danh sách giao dịch giữa Công Ty với người có liên quan và nội dung giao dịch năm 2025.	

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm toán nội bộ đối với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông:

- Giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành điều lệ Công ty và thực hiện các Nghị quyết đã được phê duyệt của HĐQT, Tổng giám đốc và các cấp quản lý.
- Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính Công ty, thẩm tra các Báo cáo tài chính trong kỳ.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: Trong năm 2024, Ban kiểm toán nội bộ phối hợp chặt chẽ và được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ giám sát của Ban kiểm toán nội bộ từ phía HĐQT, Tổng giám đốc và các Cán bộ quản lý khác của Công ty, được cung cấp đầy đủ các thông tin theo yêu cầu liên quan đến tình hình quản trị, các hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính Công ty.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thành viên HĐQT của CTCP Khử trùng Việt Nam mặc dù chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Tuy nhiên, với kiến thức và kinh nghiệm đã trải qua, các thành viên HĐQT vẫn có đủ năng lực và khả năng để phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.



BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 21/03/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Ngày bắt đầu/ Không còn TVBKS
1	Võ Văn Quốc	Trưởng BKS	0	0,00%	Tái bổ nhiệm 26/04/2023
2	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên BKS	0	0,00%	Tái bổ nhiệm 26/04/2023
3	Phan Thị Bích Lan	Thành viên BKS	0	0,00%	Tái bổ nhiệm 26/04/2023



ÔNG VÕ VĂN QUỐC TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 0 cổ phần.

ÔNG NGUYỄN ANH TUẤN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 0 cổ phần.

BÀ PHAN THỊ BÍCH LAN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 0 cổ phần.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, BĐH:

Ban Kiểm Soát thực hiện các hoạt động giám sát như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành điều lệ Công ty.
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý của HĐQT, công tác điều hành của Ban Điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính trong kỳ.
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính trong kỳ.
- Đánh giá hiệu quả hoạt động của Hệ thống quản trị nội bộ.
- Thực hiện công tác thẩm tra, đánh giá hoạt động tài chính kế toán.

Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, BĐH:

- Trong hoạt động năm 2024, BKS được HĐQT và Ban Điều hành tạo điều kiện thuận lợi để tham gia và chủ động cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định của HĐQT, các BCTC quý, năm;
- BKS cùng HĐQT và Ban Điều hành Công ty thực hiện sự phối hợp nhiệm vụ, chia sẻ, nắm bắt kịp thời thông tin liên quan đến tình hình và hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty, được tạo điều kiện tiếp xúc, trao đổi với các phòng Ban chức năng và tham gia xem xét các vấn đề trong quá trình hoạt động và qua đó BKS đóng góp ý kiến, tham vấn cho HĐQT và Ban Điều hành;
- BKS cũng phối hợp với thành viên HĐQT, Ban Điều hành nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình, BKS phụ trách giám sát mảng tài chính kế toán công ty, đã tổ chức làm việc với Ban Điều hành và phòng Tài chính kế toán công ty về chi tiết các vấn đề liên quan đến tổ chức Hệ thống kế toán, vận hành phần mềm kế toán và một số khoản mục tài chính quan trọng.

Số lượng các cuộc họp Ban Kiểm soát

Stt	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Võ Văn Quốc	Trưởng BKS	04/04	100%	Không có
2	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên BKS	04/04	100%	
3	Phan Thị Bích Lan	Thành viên BKS	04/04	100%	

Số lượng các cuộc họp Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát đã tổ chức và tham gia 4 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Biên bản	Ngày	Nội dung
1	01/2024/BB	17/01/2024	Thông nhất các nội dung theo NQ số 01/2024/NQ-HĐQT
2	02/2024/BB	04/04/2024	Thông nhất các nội dung theo NQ số 04/2024/NQ-HĐQT
3	03/2024/BB	22/07/2024	Thông nhất các nội dung theo NQ số 14/2024/NQ-HĐQT
4	04/2024/BB	22/10/2024	Thông nhất các nội dung theo NQ số 24/2024/NQ-HĐQT





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT,
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thu nhập
1	Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD	7.721.958.760
2	Trương Công Cứ	Thành viên HĐQT kiêm TGD	7.829.658.760
3	Trần Văn Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	6.408.637.479
4	Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên HĐQT	1.260.687.253
5	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT độc lập	1.310.687.253
6	Mai Tuấn Anh	Thành viên HĐQT độc lập	1.360.687.253
7	Đào Xuân Trọng	Phó TGD	2.362.111.391
STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thu lao
8	Võ Văn Quốc	Trưởng BKS	280.000.000
9	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên BKS	140.000.000
10	Phan Thị Bích Lan	Thành viên BKS	140.000.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Văn Dũng-TV HĐQT		33.995	0,08%	3.995	0,01%	Bán do nhu cầu cá nhân
2	Đào Xuân Trọng-BĐH		88.779	0,21%	83.779	0,20%	Bán do nhu cầu cá nhân
3	Nguyễn Văn Kiên- Thư ký/Người QTCT		54.627	0,13%	8.007	0,019%	Bán do nhu cầu cá nhân
4	Thân Trọng Hoàn Mỹ	Con dâu CT. HĐQT	1.545.424	3,7%	1.544.924	3,7%	Bán do nhu cầu cá nhân

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ.

Các giao dịch của Công ty và người có liên quan của Công ty; giữa Công ty với Cổ đông lớn; người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ đã được HĐQT Công ty thông qua tại Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT ngày 29/07/2024. Các giao dịch thực hiện trong kỳ bao gồm:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, giao dịch	Giá trị giao dịch (Triệu VND)
Công ty TNHH Hải Yến	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	Năm 2024	VFG Làm Dịch vụ PCO- Khử trùng, bán vật tư, hàng hóa	162,40
CTCP Giống Cây trồng Việt Nam	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	Năm 2024	VFG Làm Dịch vụ PCO- KS côn trùng, bán vật tư, hàng hóa	1.018,91
CTCP Pan Farm	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	Năm 2024	VFG Chi trả cổ tức Đợt 2 & Đợt 3 năm 2023 & Đợt 1 Năm 2024	64.137,57
CTCP Pan Farm	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	Năm 2024	VFG Làm DVụ , bán VT, hàng hóa	4,00
CTCP Tập đoàn PAN	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	Năm 2024	VFG Cho vay	450.000
CTCP Tập đoàn PAN	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	Năm 2024	Trả tiền vay cho VFG	450.000



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, giao dịch	Giá trị giao dịch (Triệu VND)
CTCP Tập đoàn PAN	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	Năm 2024	VFG Ghi nhận lãi vay	22.652,03
CTCP Tập đoàn PAN	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	Năm 2024	VFG Nhận lãi vay	32.460,79
Công ty TNHH Hải Yến	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	Năm 2024	VFG nhận cổ tức	159.795,21
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Người nội bộ	Năm 2024	VFG trả tiền Vay & Lãi vay	1.222,11
Ông Trương Công Cứ	Người nội bộ	Năm 2024	VFG trả tiền Vay & Lãi vay	1.296,42
Ông Đào Xuân Trọng	Người nội bộ	Năm 2024	VFG trả tiền Vay & Lãi vay	286,36
Ông Nguyễn Văn Kiên	Người nội bộ	Năm 2024	VFG trả tiền Vay & Lãi vay	132,53
Bà Phạm Thị Ngọc Phương	Người nội bộ	Năm 2024	VFG trả tiền Vay & Lãi vay	309,08
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Người liên quan của Người nội bộ	Năm 2024	VFG trả tiền Vay & Lãi vay	192,64

GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NẴM QUYỀN KIỂM SOÁT

Tên tổ chức/ Cá nhân	Quan hệ với Công ty	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/	Giá trị giao dịch (Triệu VND)
Công ty cổ phần Tập đoàn PAN -Công ty Phân phối hàng tiêu dùng PAN	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	NĂM 2024	VFG Chi trả phí dịch vụ, mua hàng hóa	5.655,83
Công ty cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam	Tổ chức có liên quan	NĂM 2024	VFG Làm DVụ , bán VT, hàng hóa	679,53
Công ty cổ phần Thực Phẩm An Khang	Tổ chức có liên quan	NĂM 2024	VFG Làm DVụ , bán VT, hàng hóa	33,00
Công ty TNHH MTV Bibica Hà Nội	Tổ chức có liên quan	NĂM 2024	VFG Làm DVụ , bán VT, hàng hóa	42,30
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Tây	Tổ chức có liên quan	NĂM 2024	VFG Làm DVụ , bán VT, hàng hóa	261,02
Công ty TNHH MTV Bibica Biên Hòa	Tổ chức có liên quan	NĂM 2024	VFG Làm DVụ , bán VT, hàng hóa	38,97

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NẴM QUYỀN KIỂM SOÁT

Tên tổ chức/ Cá nhân	Quan hệ với Công ty	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/	Giá trị giao dịch (Triệu VND)
Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Tổ chức có liên quan	NĂM 2024	VFG Làm DVụ , bán VT, hàng hóa	647,82
C.ty CP Chế Biến Hàng Xuất Khẩu Long An	Tổ chức có liên quan	NĂM 2024	VFG Làm DVụ , bán VT, hàng hóa	433,22
Công ty cổ phần Thủy Sản 584 Nha Trang	Tổ chức có liên quan	NĂM 2024	VFG Làm DVụ , bán VT, hàng hóa	80,00
Công ty CP Đầu Tư Và Phát Triển Vinaseed Hà Nội	Tổ chức có liên quan	NĂM 2024	VFG Làm DVụ , bán VT, hàng hóa	28,35
Công ty CP Giống Cây Trồng Trung Ương Quảng Nam	Tổ chức có liên quan	NĂM 2024	VFG Làm DVụ , bán VT, hàng hóa	234,66
Công ty CP Cà phê Golden Beans	Tổ chức có liên quan	NĂM 2024	VFG Làm DVụ , bán VT, hàng hóa	13,2

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty cam kết duy trì hệ thống quản trị doanh nghiệp minh bạch và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp lý, điều lệ công ty và quy chế nội bộ, nhằm đảm bảo các hoạt động diễn ra hiệu quả và nhanh chóng. Mục tiêu chính là tối đa hóa giá trị cho cổ đông và doanh nghiệp, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát và tối ưu hóa sử dụng các nguồn lực. Bên cạnh đó, công ty cũng chú trọng nâng cao trình độ quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu từ các cơ quan quản lý nhà nước và các khóa học nội bộ. Các sáng kiến này không chỉ giúp cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh và giảm chi phí sử dụng vốn mà còn củng cố niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư vào khả năng phát triển bền vững của công ty





CHƯƠNG VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch
Ông Trương Công Cự	Thành viên
Ông Trần Văn Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên
Ông Mai Tuấn Anh	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Công Cự	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Xuân Trọng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Võ Văn Quốc	Trưởng ban
Bà Phan Thị Bích Lan	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trương Công Cự
Tổng Giám đốc
(Theo Giấy Ủy quyền số 20/2023/UQ-HĐQT
ngày 27 tháng 4 năm 2023)

Ngày 21 tháng 3 năm 2025

Số: 0699/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) và công ty con, được lập ngày 21 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 01 của bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu so sánh của báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, được trình bày cho mục đích tham khảo và không so sánh được với số liệu của năm nay.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 25 tháng 3 năm 2024 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Phạm Tuấn Linh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3001-2024-001-1



Hoàng Lê Thu Phương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5603-2025-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 21 tháng 3 năm 2025
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.206.932.220.207	2.572.762.883.973
I. Tiền	110	5	800.792.811.413	129.881.543.766
1. Tiền	111		800.792.811.413	129.881.543.766
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		83.314.956.000	200.288.056.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	83.314.956.000	200.288.056.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		368.791.738.799	1.177.748.818.926
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	365.301.709.561	709.975.224.585
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.416.006.740	2.983.614.536
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	450.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	16.364.154.364	32.161.449.580
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(18.290.131.866)	(17.371.469.775)
IV. Hàng tồn kho	140	10	945.932.893.417	1.062.519.677.715
1. Hàng tồn kho	141		952.249.038.773	1.078.980.860.967
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.316.145.356)	(16.461.183.252)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.099.820.578	2.324.787.566
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	2.370.555.933	2.321.800.821
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.729.264.645	2.986.745
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		288.845.371.852	372.844.764.962
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.999.800.226	1.848.754.720
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	1.999.800.226	1.848.754.720
II. Tài sản cố định	220		250.192.646.762	153.236.787.257
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	196.548.152.050	98.583.969.763
- Nguyên giá	222		543.311.568.740	276.872.473.294
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(346.763.416.690)	(178.288.503.531)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	53.644.494.712	54.652.817.494
- Nguyên giá	228		72.471.884.048	71.044.565.648
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.827.389.336)	(16.391.748.154)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	14.101.438.213	14.861.443.459
- Nguyên giá	231		27.647.980.011	27.647.980.011
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13.546.541.798)	(12.786.536.552)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	2.879.505.600
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	2.879.505.600
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	-	179.514.814.098
1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252		-	179.514.814.098
VI. Tài sản dài hạn khác	260		22.551.486.651	20.503.459.828
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	9.712.223.493	10.935.641.696
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	12.839.263.158	9.567.818.132
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.495.777.592.059	2.945.607.648.935

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		889.901.239.485	1.699.980.061.130
I. Nợ ngắn hạn	310		873.604.178.729	1.697.986.612.054
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	120.984.536.382	511.847.511.491
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.372.368.474	3.261.333.344
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	58.494.632.978	66.101.119.943
4. Phải trả người lao động	314		259.886.156.341	243.950.961.510
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	151.116.822.850	280.271.877.959
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.198.972.160	324.028.320
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	21.735.306.982	176.996.382.862
8. Vay ngắn hạn	320	21	172.385.892.579	373.737.397.248
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	76.429.489.983	41.495.999.377
II. Nợ dài hạn	330		16.297.060.756	1.993.449.076
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		366.495.360	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	19	611.685.770	1.993.449.076
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	15	15.318.879.626	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.605.876.352.574	1.245.627.587.805
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	1.605.876.352.574	1.245.627.587.805
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		417.146.140.000	417.146.140.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		417.146.140.000	417.146.140.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000.000)	(20.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		214.069.992.205	203.462.343.942
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		21.974.704.575	20.061.904.659
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		901.389.019.075	604.977.199.204
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		520.001.103.559	391.225.293.525
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		381.387.915.516	213.751.905.679
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		51.316.496.719	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.495.777.592.059	2.945.607.648.935

Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Trương Công Cứ
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	3.807.316.034.483	3.557.307.559.071
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	310.054.611.652	294.887.704.514
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	3.497.261.422.831	3.262.419.854.557
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	2.588.448.219.426	2.483.468.450.394
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		908.813.203.405	778.951.404.163
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	128.124.769.892	71.895.891.553
7. Chi phí tài chính	22	29	107.001.714.039	39.297.352.423
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.103.281.091	15.143.833.635
8. Phần lãi trong công ty liên doanh	24	6	168.701.347.473	-
9. Chi phí bán hàng	25	30	439.033.274.534	353.026.887.379
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	91.177.951.491	81.595.742.730
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		568.426.380.706	376.927.313.184
12. Thu nhập khác	31		7.529.415.698	1.767.691.953
13. Chi phí khác	32		5.419.830.244	2.962.400.676
14. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		2.109.585.454	(1.194.708.723)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		570.535.966.160	375.732.604.461
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	87.217.925.327	89.722.988.948
17. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	31	12.047.434.600	(9.567.818.132)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		471.270.606.233	295.577.433.645
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		470.136.174.448	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.134.431.785	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	10.143	6.124


Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập biểu/Kế toán trưởng


Trương Công Cứ
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND			
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	570.535.966.160	375.732.604.461
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	02	22.854.888.683	22.194.446.472
Các khoản dự phòng	03	(9.226.375.805)	(2.509.803.139)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	336.626.680	(455.520.007)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(202.025.761.934)	(38.606.169.854)
Chi phí lãi vay	06	6.103.281.091	15.143.833.635
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	388.578.624.875	371.499.391.568
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	340.070.244.065	(116.789.664.322)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	128.002.966.099	(4.295.829.603)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(591.112.290.501)	(145.364.259.260)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.189.031.905	368.005.895
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.505.795.379)	(15.707.760.764)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(81.649.327.678)	(66.226.421.072)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	442.350.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(29.178.305.343)	(30.798.129.052)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	150.837.498.043	(7.314.666.610)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(19.106.815.882)	(15.994.443.875)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	4.105.133.636	885.416.369
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(466.526.900.000)	(1.820.446.275.178)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.324.000.000.000	1.690.446.275.178
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	42.079.669.129	26.789.337.868
6. Tiền thu từ công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh		11.950.960.399	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	896.502.047.282	(118.319.689.638)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	177.844.152.579	954.799.797.941
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(379.195.657.248)	(763.469.962.279)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(175.093.830.955)	(144.234.793.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(376.445.335.624)	47.095.042.162
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	670.894.209.701	(78.539.314.086)
Tiền đầu năm	60	129.881.543.766	208.420.873.572
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	17.057.946	(15.720)
Tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	800.792.811.413	129.881.543.766

Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Trương Công Cự
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Vào ngày 03 tháng 5 năm 2001, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 70/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302327629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 30 (lần gần nhất) ngày 29 tháng 9 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch là VFG theo Quyết định số 157/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 11 tháng 12 năm 2009.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và Nhà máy được đặt tại Lô B, Số 107, Khu công nghiệp Thái Hòa, Ấp Tân Lập, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.539 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.390 người).

Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ thuốc khử trùng, nông dược; cung cấp dịch vụ liên quan đến khử trùng và dịch vụ cho thuê văn phòng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Theo Quyết định số 01/2024/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2024, Tòa án Nhân dân tỉnh Khánh Hòa công nhận nội dung thỏa thuận giữa Công ty và Công ty Cổ phần FOCOCEV Việt Nam (tên gọi trước đây là Công ty Thực phẩm Đầu tư Công nghệ) (“FOCOCEV”) liên quan đến các tranh chấp về việc yêu cầu hủy hợp đồng liên doanh. Các nội dung chính của thỏa thuận giữa các bên bao gồm Điều lệ hoạt động, vốn điều lệ và việc phân chia phần lợi nhuận từ hoạt động của Công ty TNHH Hải Yến (“Hải Yến”). Theo đó, phần vốn góp của Công ty vào Hải Yến là 40.000.000.000 VND, tương đương với 66,67% vốn điều lệ của Hải Yến. Công ty trở thành công ty mẹ của Hải Yến với tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 66,67% kể từ ngày này.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 1 công ty con và 8 chi nhánh (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: Công ty có 1 công ty liên doanh và 8 chi nhánh).

Thông tin về công ty con như sau:

		Số cuối năm		Số đầu năm		Hoạt động chính
		Tỷ lệ phần	Tỷ lệ	Tỷ lệ phần	Tỷ lệ	
Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	sở hữu (%)	quyết (%)	sở hữu (%)	quyết (%)	
Công ty TNHH Hải Yến	Khánh Hòa	66,67	66,67	(i)	(i)	Cung cấp dịch vụ khách sạn, nhà hàng

- (i) Vào ngày 01 tháng 7 năm 2004, Công ty đã ký hợp đồng góp vốn liên doanh với Công ty Xuất Nhập khẩu Tổng hợp III (“Centrimex”) để thành lập Hải Yến có trụ sở chính đăng ký tại số 50, Đường Trần Phú, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa. Ngày 09 tháng 10 năm 2007, Centrimex được sáp nhập vào FOCOCEV. Sau ngày sáp nhập, FOCOCEV không đồng ý với tỷ lệ lợi ích của các bên đối tác liên doanh trong Hải Yến. Theo đó, Công ty đã khởi kiện FOCOCEV ra Tòa án Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa (“Tòa án”) để giải quyết tranh chấp này. Do đó, tại ngày đầu năm, việc tranh chấp này vẫn đang trong quá trình xử lý. Tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Hải Yến chưa được xác định.

Thông tin về các chi nhánh như sau:

STT	Tên	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại phía Bắc	Hà Nội
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Quy Nhơn	Quy Nhơn
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Nha Trang	Nha Trang
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh
6	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam - chi nhánh Nam Sông Hậu	Cần Thơ
7	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam - chi nhánh Bắc Sông Hậu	An Giang
8	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam - chi nhánh Đức Hòa Long An	Long An

Hoạt động kinh doanh chính của các chi nhánh là cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất do có giao dịch hợp nhất phát sinh trong năm, do đó, số liệu so sánh được trình bày là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty mẹ đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 chỉ cho mục đích tham khảo và có thể không so sánh được.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của công ty con của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hằng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty và công ty con có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty và công ty con nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty và công ty con được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

- Đối với hàng hóa, nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ: giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.
- Đối với chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và thành phẩm: giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập với tỷ lệ 100% cho hàng đã hết hạn sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05
Khác	03 - 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong năm khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Quyền sử dụng đất	20 - 50
Phần mềm máy tính	03 - 05

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm: - Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn, do đó, không trích khấu hao; và - Nhà cửa, vật kiến trúc được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 17 đến 20 năm.
Các khoản trả trước Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, bao gồm thuê văn phòng, phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa và bảo trì, chi phí cải tạo văn phòng, công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản trả trước khác. Tiền thuê văn phòng và phí bảo hiểm thể hiện số tiền thuê văn phòng và phí bảo hiểm đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng và phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê và thời gian được bảo hiểm. Chi phí sửa chữa và bảo trì, chi phí cải tạo văn phòng, công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.
Doanh thu chưa thực hiện Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều niên độ kế toán cho dịch vụ chưa được cung cấp hoặc chuyển giao. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.
Ghi nhận doanh thu <u>Doanh thu bán hàng</u> Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau: (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. <u>Doanh thu cung cấp dịch vụ</u> Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau: (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

<u>Lãi tiền gửi, tiền cho vay và lãi từ các khoản đầu tư</u> Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
Các khoản giảm trừ doanh thu Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm báo cáo nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.
Ngoại tệ Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
Chi phí đi vay Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.
Thuế Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty và công ty con căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

Tại ngày 19 tháng 8 năm 2024, Công ty và FOCOCEV đã hòa giải thành các tranh chấp về việc yêu cầu hủy hợp đồng liên doanh. Theo đó, phần vốn góp của Công ty vào Hải Yến là 40.000.000.000 VND, tương đương với 66,67% vốn điều lệ của Hải Yến. Công ty trở thành công ty mẹ của Hải Yến với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết là 66,67% kể từ ngày này.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả của Hải Yến tại ngày nắm quyền kiểm soát được trình bày dưới đây:

	Giá trị hợp lý được xác định tại ngày nắm quyền kiểm soát
	VND
Tiền	11.950.960.399
Các tài sản khác	394.020.415.318
Tổng tài sản	405.971.375.717
Tổng nợ phải trả	11.139.375.717
Tổng tài sản thuần	394.832.000.000
Cổ đông không kiểm soát	131.610.666.667
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	263.221.333.333
Trong đó:	
- Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	208.701.347.473
- Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi hợp nhất kinh doanh	54.519.985.860
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	11.950.960.399
Lưu chuyển tiền thuần từ nghiệp vụ mua Công ty con	11.950.960.399

5. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.252.039.616	662.965.339
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	799.347.622.398	129.218.578.427
Tiền đang chuyển	193.149.399	-
	800.792.811.413	129.881.543.766

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	83.314.956.000	83.314.956.000	200.288.056.000	200.288.056.000
	83.314.956.000	83.314.956.000	200.288.056.000	200.288.056.000

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2%/năm đến 5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 5,45%/năm đến 6,8%/năm). Các khoản tiền gửi với giá trị là 814.956.000 VND đã được Công ty sử dụng để đảm bảo cho các bảo lãnh thanh toán tại các ngân hàng mà Công ty gửi tiền.

	Phần lợi nhuận từ công ty liên doanh			Chuyển thành công ty con	
	Số đầu năm	Điều chỉnh khác		Số cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND
b. Đầu tư vào công ty liên doanh					
Công ty TNHH Hải Yến	179.514.814.098	168.701.347.473	(139.514.814.098)	(208.701.347.473)	-
	179.514.814.098	168.701.347.473	(139.514.814.098)	(208.701.347.473)	-

Tình hình hoạt động của công ty liên doanh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Hải Yến	Không còn là công ty liên doanh	Hoạt động kinh doanh có lãi

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 không có đối tượng nào có số dư chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng. Chi tiết phải thu ngắn hạn của khách hàng theo nhóm khách hàng như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng nông được	282.751.388.352	634.817.473.772
Phải thu khách hàng Pestman	45.610.186.454	45.063.499.838
Phải thu khách hàng dịch vụ khử trùng	35.616.713.882	29.739.274.894
Khác	1.323.420.873	354.976.081
	365.301.709.561	709.975.224.585
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 33)	272.231.592	168.190.040

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu chi hộ thuế thu nhập cá nhân	7.464.704.099	9.554.347.459
Tạm ứng cho nhân viên	3.290.038.344	4.592.233.930
Ký quỹ, ký cược	429.816.713	829.567.550
Lãi tiền gửi, cho vay	-	11.926.134.833
Phải thu khác	5.179.595.208	5.259.165.808
	16.364.154.364	32.161.449.580

Trong đó:
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 33)

b. Dài hạn		
Ký quỹ	1.999.800.226	1.848.754.720
	1.999.800.226	1.848.754.720

9. NỢ XẤU

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 không có đối tượng nào có số dư chiếm từ 10% trở lên trên tổng số nợ quá hạn. Chi tiết nợ quá hạn theo nhóm khách hàng như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng nông được	24.841.080.193	8.593.452.251	28.126.734.376	12.594.961.092
Phải thu khách hàng Pestman	3.474.140.202	1.808.441.341	2.589.623.973	1.386.601.847
Phải thu khách hàng dịch vụ khử trùng	787.916.110	411.111.047	1.323.169.390	686.495.025
	29.103.136.505	10.813.004.639	32.039.527.739	14.668.057.964
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	18.290.131.866	17.371.469.775		

Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc của các khoản công nợ trừ đi giá trị dự phòng đã trích lập.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hoá	688.445.583.011	(671.863.280)	651.176.441.037	(4.200.125.259)
Nguyên liệu, vật liệu	176.041.080.287	-	364.037.921.792	(4.672.542.612)
Thành phẩm	63.849.332.415	(5.644.282.076)	47.961.659.101	(7.588.515.381)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.853.966.955	-	8.258.347.317	-
Hàng mua đang đi đường	12.751.865.325	-	4.618.492.560	-
Công cụ, dụng cụ	3.307.210.780	-	2.927.999.160	-
	952.249.038.773	(6.316.145.356)	1.078.980.860.967	(16.461.183.252)

Chi tiết thay đổi dự phòng hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	16.461.183.252	24.435.429.377
Dự phòng trích lập trong năm (Hoàn nhập) dự phòng trong năm	1.975.074.946 (12.120.112.842)	4.914.153.950 (12.888.400.075)
Số dư cuối năm	6.316.145.356	16.461.183.252

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.342.841.833	1.069.806.216
Chi phí sửa chữa và bảo trì	446.616.514	553.395.471
Phí bảo hiểm	404.078.768	520.398.680
Thuê văn phòng	177.018.818	178.200.454
	2.370.555.933	2.321.800.821
b. Dài hạn		
Chi phí cải tạo văn phòng	3.748.880.700	5.196.002.389
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.488.378.677	4.600.912.065
Khác	1.474.964.116	1.138.727.242
	9.712.223.493	10.935.641.696

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Khác	Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư đầu năm	141.172.042.692	29.370.771.994	96.166.539.133	5.243.316.301	4.919.803.174	276.872.473.294	
Tăng trong năm	223.120.000	3.576.884.080	11.090.897.669	1.071.493.000	-	15.962.394.749	
Tăng do hợp nhất kinh doanh	191.963.119.905	-	63.129.050.384	1.856.186.400	6.153.404.162	263.101.760.851	
Xây dựng cơ bản hoàn thành	3.192.983.333	-	-	-	-	3.192.983.333	
Thanh lý	(645.752.409)	(233.024.720)	(14.170.569.958)	(768.696.400)	-	(15.818.043.487)	
Số dư cuối năm	335.905.513.521	32.714.631.354	156.215.917.228	7.402.299.301	11.073.207.336	543.311.568.740	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu năm	74.599.415.876	23.879.557.193	70.919.571.907	4.339.637.322	4.550.321.233	178.288.503.531	
Khấu hao trong năm	7.538.845.407	2.719.741.271	7.005.254.970	759.648.742	315.939.110	18.339.429.500	
Tăng do hợp nhất kinh doanh	95.374.076.114	-	63.129.050.384	1.746.144.672	5.704.255.976	165.953.527.146	
Thanh lý	(645.752.409)	(233.024.720)	(14.170.569.958)	(768.696.400)	-	(15.818.043.487)	
Số dư cuối năm	176.866.584.988	26.366.273.744	126.883.307.303	6.076.734.336	10.570.516.319	346.763.416.690	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày đầu năm	66.572.626.816	5.491.214.801	25.246.967.226	903.678.979	369.481.941	98.583.969.763	
Tại ngày cuối năm	159.038.928.533	6.348.357.610	29.332.609.925	1.325.564.965	502.691.017	196.548.152.050	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 245.227.606.023 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 102.063.870.984 VND).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	65.750.630.035	5.293.935.613	71.044.565.648
Tăng trong năm	-	430.000.000	430.000.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	997.318.400	997.318.400
Số dư cuối năm	65.750.630.035	6.721.254.013	72.471.884.048
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	11.679.371.766	4.712.376.388	16.391.748.154
Khấu hao trong năm	1.375.634.202	583.586.047	1.959.220.249
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	476.420.933	476.420.933
Số dư cuối năm	13.055.005.968	5.772.383.368	18.827.389.336
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	54.071.258.269	581.559.225	54.652.817.494
Tại ngày cuối năm	52.695.624.067	948.870.645	53.644.494.712

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 4.547.940.457 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 4.292.625.457 VND).

14. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ
BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	8.092.241.500	19.555.738.511	27.647.980.011
Số dư cuối năm	8.092.241.500	19.555.738.511	27.647.980.011
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	12.786.536.552	12.786.536.552
Khấu hao trong năm	-	760.005.246	760.005.246
Số dư cuối năm	-	13.546.541.798	13.546.541.798
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	8.092.241.500	6.769.201.959	14.861.443.459
Tại ngày cuối năm	8.092.241.500	6.009.196.713	14.101.438.213

Bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc tại Tòa nhà VFC Tower tại số 29 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh của Công ty được sử dụng để cho thuê làm văn phòng.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Doanh thu và giá vốn tương ứng của hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư này được trình bày lần lượt tại Thuyết minh số 25 và 26.

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	12.839.263.158	9.567.818.132
	12.839.263.158	9.567.818.132

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh do chênh lệch khi hợp nhất kinh doanh	15.318.879.626	-
	15.318.879.626	-

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
Itochu Chemical Frontier Corporation	47.711.893.320	28.805.868.000
King Elong Group Limited	23.273.894.880	4.906.494.000
Intech Organics Australia Pty, Ltd.	16.562.106.076	13.678.367.450
Công ty TNHH Syngenta Việt Nam	-	328.126.782.218
Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam	-	107.399.044.562
Các đối tượng khác	33.436.642.106	28.930.955.261
	120.984.536.382	511.847.511.491

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	12.449.851.250	449.031.311	68.456.989.270	80.581.623.214	774.248.617
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.785.348.537	918.541.957	87.217.925.327	81.649.327.678	48.272.488.143
Thuế thu nhập cá nhân	9.877.281.594	56.098.003	51.448.054.430	53.828.351.652	7.553.082.375
Thuế khác	1.988.638.562	1.008.917.495	21.969.000.619	23.071.742.833	1.894.813.843
	66.101.119.943	2.432.588.766	229.091.969.646	239.131.045.377	58.494.632.978

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chiết khấu bán hàng	142.932.270.000	272.323.168.811
Hoa hồng môi giới	7.013.655.837	6.181.873.041
Chi phí lãi vay	364.321.819	1.766.836.107
Khác	806.575.194	-
	151.116.822.850	280.271.877.959

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	6.747.422.500	5.239.403.500
Thù lao Hội đồng Quản trị	6.226.986.246	8.074.107.319
Phải trả nhân viên (i)	3.870.320.000	34.784.900.000
Phải trả Công ty TNHH Hải Yến	-	116.500.000.000
Mượn tiền nhân viên	-	9.797.400.000
Khác	4.890.578.236	2.600.572.043
	21.735.306.982	176.996.382.862

Trong đó:

Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 33)	-	3.143.700.000
---	---	---------------

b. Dài hạn

Nhận đặt cọc	611.685.770	1.993.449.076
	611.685.770	1.993.449.076

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, khoản phải trả nhân viên phản ánh khoản tiền gốc và lãi nhận huy động từ các cán bộ công nhân viên Công ty để đầu tư góp vốn vào Hải Yến mà chưa hoàn trả.

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	41.495.999.377	32.895.498.137
Tăng trong năm	61.026.186.852	36.272.132.457
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	60.583.836.852	36.259.125.218
- Tăng khác	442.350.000	13.007.239
Giảm trong năm	(26.092.696.246)	(27.671.631.217)
- Chi quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	(26.091.105.259)	(27.671.631.217)
- Giảm khác	(1.590.987)	-
Số dư cuối năm	76.429.489.983	41.495.999.377

21. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm	Số cuối năm
	VND		VND	VND
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	373.737.397.248	722.308.981.349	929.206.741.701	166.839.636.896
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (i)	-	119.510.893.129	-	119.510.893.129
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam (ii)	-	144.110.205.964	119.865.042.717	24.245.163.247
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (iii)	90.000.000.000	196.331.835.438	263.248.254.918	23.083.580.520
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	128.433.997.553	128.433.997.553	-
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	203.682.831.048	-	203.682.831.048	-
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank	80.054.566.200	123.922.049.265	203.976.615.465	-
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered Bank (Việt Nam)	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-
Vay đối tượng khác	-	11.004.515.683	5.458.260.000	5.546.255.683
Công đoàn Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (iv)	-	11.004.515.683	5.458.260.000	5.546.255.683
	373.737.397.248	733.313.497.032	934.665.001.701	172.385.892.579

- (i) Phản ánh khoản vay tín chấp từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 01/2024/626411/HĐTD ngày 07 tháng 8 năm 2024 với hạn mức là 120.000.000.000 VND để cung cấp vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 07 tháng 8 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025. Các khoản cho vay có kỳ hạn 5 tháng và lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong các giấy nhận nợ. Lãi suất áp dụng cho dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 3,5%/năm.
- (ii) Phản ánh khoản vay tín chấp từ Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng số SHBVN/CMC/432023/HĐTD/KHUTRUNG ngày 23 tháng 11 năm 2023 với hạn mức 120.000.000.000 VND để cung cấp vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn duy trì hạn mức được gia hạn đến ngày 23 tháng 11 năm 2025 theo hợp đồng gia hạn ngày 22 tháng 11 năm 2024. Các khoản cho vay có kỳ hạn không quá 4 tháng và lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong các giấy nhận nợ. Lãi suất áp dụng cho dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 3,5%/năm.
- (iii) Phản ánh khoản vay tín chấp từ Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số HĐTD.021/SCB.HCM/2020 ngày 20 tháng 5 năm 2021 với hạn mức 3.900.000 USD để cung cấp vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn cấp tín dụng là 1 năm kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021 và được gia hạn đến ngày 17 tháng 5 năm 2025 theo thư gia hạn ngày 17 tháng 5 năm 2024. Các khoản vay có kỳ hạn không vượt quá 6 tháng và lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong các Giấy nhận nợ. Lãi suất áp dụng cho dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 3,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3,9%/năm).
- (iv) Phản ánh khoản vay tín chấp từ Ban chấp hành Công đoàn Công ty theo Hợp đồng số 01/2024/HDV/VFC-CD ngày 16 tháng 7 năm 2024 để cung cấp vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay có thời hạn 6 tháng kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2024 với lãi suất là 5%/năm. Theo phụ lục hợp đồng ngày 17 tháng 01 năm 2025, khoản vay được gia hạn đến ngày 16 tháng 7 năm 2025.

MẪU SỐ B 09-DN/HN

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	417.146.140.000	(20.000.000)	203.462.343.942	20.188.402.492	498.519.835.765	-	1.139.296.722.199
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	295.577.433.645	-	295.577.433.645
Chia cổ tức	-	-	-	-	(145.994.149.000)	-	(145.994.149.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(36.259.125.218)	-	(36.259.125.218)
Trích quỹ hoạt động xã hội, từ thiện	-	-	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-	-
Trích thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(3.853.788.748)	-	(3.853.788.748)
Khác	-	-	-	(3.126.497.833)	(13.007.240)	-	(3.139.505.073)
Số dư đầu năm nay	417.146.140.000	(20.000.000)	203.462.343.942	20.061.904.659	604.977.199.204	-	1.245.627.587.805
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	470.136.174.448	1.134.431.785	471.270.606.233
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	131.610.666.667	131.610.666.667
Thay đổi lợi ích sau phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	24.660.769.647	(24.660.769.647)	-
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(125.137.842.000)	(51.464.007.955)	(176.601.849.955)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	(55.280.012.721)	(5.303.824.131)	(60.583.836.852)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.607.648.263	-	(10.607.648.263)	-	-
Trích quỹ hoạt động xã hội, từ thiện (ii)	-	-	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-	-
Trích thưởng và thù lao Hội đồng Quản trị (ii)	-	-	-	-	(2.363.280.474)	-	(2.363.280.474)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(3.087.200.084)	-	-	(3.087.200.084)
Khác	-	-	-	-	3.659.234	-	3.659.234
Số dư cuối năm nay	417.146.140.000	(20.000.000)	214.069.992.205	21.974.704.575	901.389.019.075	51.316.496.719	1.605.876.352.574

(i) Trong năm, Công ty và công ty con thực hiện chi trả cổ tức, lợi nhuận từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước và tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận năm 2024 theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và Quyết định của Hội đồng Thành viên. Chi tiết như sau:

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông/Quyết định Hội đồng Thành viên		Nghị quyết Hội đồng Quản trị		Ngày chốt quyền	Ngày thanh toán cổ tức	Số tiền
Công ty	Nội dung	Thành viên	đồng Quản trị			
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	Chia cổ tức đợt 2 năm 2023	Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2023 ngày 26 tháng 4 năm 2023	Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 01 năm 2024	07/02/2024	08/3/2024	41.712.614.000
	Chia cổ tức đợt 3 năm 2023	Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2023 ngày 26 tháng 4 năm 2023	Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 5 năm 2024	30/5/2024	14/6/2024	41.712.614.000
	Chia cổ tức đợt 1 năm 2024	Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2024 ngày 25 tháng 4 năm 2024	Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 7 năm 2024	09/8/2024	22/8/2024	41.712.614.000
Công ty TNHH Hải Yến	Chi trả lợi nhuận sau thuế	Quyết định số 62/QĐ-SBC ngày 12 tháng 9 năm 2024		12/09/2024	Quý 4/2024	211.259.219.488
Tổng cộng						336.397.061.488
Trong đó:						159.795.211.533
- Công ty con chi trả lợi nhuận cho Công ty mẹ đã loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất						176.601.849.955
- Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho cổ đông Công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát						

(ii) Việc trích lập các quỹ thực hiện theo các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty và Quyết định của Hội đồng Thành viên của công ty con. Chênh lệch giữa số tiền tạm trích các quỹ trên báo cáo tài chính năm trước và số tiền theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông đã được trích bổ sung/điều chỉnh trên báo cáo tài chính năm nay.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.714.614	41.714.614
Cổ phiếu phổ thông	41.714.614	41.714.614
Cổ phiếu quỹ	(2.000)	(2.000)
Cổ phiếu phổ thông	(2.000)	(2.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.712.614	41.712.614
Cổ phiếu phổ thông	41.712.614	41.712.614

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 30 ngày 29 tháng 9 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 417.146.140.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 417.146.140.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần PAN Farm	213.791.910.000	51,251%	213.791.910.000	51,251%
Các cổ đông khác	203.334.230.000	48,744%	203.334.230.000	48,744%
	417.126.140.000	99,995%	417.126.140.000	99,995%
Cổ phiếu quỹ	20.000.000	0,005%	20.000.000	0,005%
	417.146.140.000	100%	417.146.140.000	100%

23. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	35.131,81	34.358,37

Tài sản thuê ngoài

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	671.393.443	624.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	310.000.000	1.352.000.000
	981.393.443	1.976.000.000

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê địa điểm kinh doanh, thuê nhà cho nhân viên của Công ty theo các hợp đồng thuê có thời hạn từ 1 đến 5 năm.



24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các ngành kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ như sau:

- 1 - Bộ phận nông dược: Chuyên sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ thuốc khử trùng, nông dược;
- 2 - Bộ phận dịch vụ khử trùng và Pestman: Chuyên cung cấp dịch vụ liên quan đến khử trùng và Pestman;
- 3 - Bộ phận cho thuê bất động sản đầu tư: Chuyên cho thuê văn phòng;
- 4 - Bộ phận dịch vụ khách sạn: Chuyên cung cấp dịch vụ khách sạn, nhà hàng.

Việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp, không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Công ty không trình bày báo cáo các bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng hiện tại Công ty hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh
Bảng cân đối kế toán

Chi tiêu	Nông dược	Dịch vụ Khử trùng và Pestman		Cho thuê bất động sản đầu tư	Dịch vụ khách sạn		Tổng bộ phận đã báo cáo
	VND	VND		VND	VND		VND
Số dư cuối năm							
1. Tài sản bộ phận	2.017.338.484.221	284.216.527.720	1.283.760.628	192.938.819.490	2.495.777.592.059		
Tổng Tài sản	2.017.338.484.221	284.216.527.720	1.283.760.628	192.938.819.490	2.495.777.592.059		
3. Nợ phải trả bộ phận	804.262.653.014	43.780.923.392	2.868.333.747	38.989.329.332	889.901.239.485		
Tổng Nợ phải trả	804.262.653.014	43.780.923.392	2.868.333.747	38.989.329.332	889.901.239.485		
Số dư đầu năm							
1. Tài sản bộ phận	2.203.412.658.309	97.435.951.870	15.244.224.658	-	2.316.092.834.837		
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	629.514.814.098		
Tổng Tài sản	2.203.412.658.309	97.435.951.870	15.244.224.658	-	2.945.607.648.935		
3. Nợ phải trả bộ phận	1.648.238.709.423	49.414.606.682	2.326.745.025	-	1.699.980.061.130		
Tổng Nợ phải trả	1.648.238.709.423	49.414.606.682	2.326.745.025	-	1.699.980.061.130		

Báo cáo kết quả kinh doanh

Chi tiêu	Nông được	Dịch vụ Khử trùng và Pestman	Cho thuê bất động sản đầu tư	Dịch vụ khách sạn	Tổng bộ phận đã báo cáo
	VND	VND	VND	VND	VND
Năm nay					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.911.927.117.041	551.066.298.481	13.462.913.144	20.805.094.165	3.497.261.422.831
Chi phí hoạt động kinh doanh	2.237.333.172.624	337.611.078.393	760.005.246	12.743.963.163	2.588.448.219.426
Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận	674.593.944.417	213.455.220.088	12.702.907.898	8.061.131.002	908.813.203.405
Chi phí không phân bổ					530.211.226.025
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh Thu nhập khác					378.601.977.380
Kết quả từ hoạt động tài chính					2.109.585.454
Lợi nhuận trước thuế					189.824.403.326
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và hoãn lại					570.535.966.160
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					99.265.359.927
					471.270.606.233
Năm trước					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.744.342.152.805	505.160.218.629	12.917.483.123	-	3.262.419.854.557
Chi phí hoạt động kinh doanh	2.146.998.899.481	335.709.545.667	760.005.246	-	2.483.468.450.394
Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận	597.343.253.324	169.450.672.962	12.157.477.877	-	778.951.404.163
Chi phí không phân bổ					434.622.630.109
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh Chi phí khác					344.328.774.054
Kết quả từ hoạt động tài chính					(1.194.708.723)
Lợi nhuận trước thuế					32.598.539.130
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và hoãn lại					375.732.604.461
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					80.155.170.816
					295.577.433.645

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	3.221.981.728.693	3.039.229.857.319
Doanh thu cung cấp dịch vụ	571.871.392.646	505.160.218.629
Doanh thu dịch vụ cho thuê	13.462.913.144	12.917.483.123
	3.807.316.034.483	3.557.307.559.071
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	310.054.611.652	289.467.072.914
Hàng bán bị trả lại	-	5.420.631.600
	310.054.611.652	294.887.704.514
Doanh thu thuần	3.497.261.422.831	3.262.419.854.557
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan chủ yếu	3.514.970.564	3.302.042.000
(chi tiết tại Thuyết minh số 33)		

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm và hàng hóa	2.247.478.210.520	2.154.973.145.606
Giá vốn dịch vụ cung cấp	350.355.041.556	335.709.545.667
Giá vốn dịch vụ cho thuê	760.005.246	760.005.246
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.145.037.896)	(7.974.246.125)
	2.588.448.219.426	2.483.468.450.394

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	737.065.340.545	629.357.133.289
Chi phí nhân viên và hoa hồng	495.594.283.063	446.879.664.112
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.443.200.282	39.814.177.794
Chi phí khấu hao và hao mòn	22.854.888.683	22.194.446.472
(Hoàn nhập) dự phòng	(9.226.375.805)	(2.509.803.139)
Chi phí khác	123.224.861.494	195.719.354.021
	1.416.956.198.262	1.331.454.972.549

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi hợp nhất kinh doanh	54.519.985.860	-
Chiết khấu thanh toán	29.084.853.743	11.131.679.737
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	30.153.534.296	37.721.084.073
Lãi chậm thanh toán	11.949.094.986	21.104.049.626
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.417.301.007	1.939.078.117
	128.124.769.892	71.895.891.553
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 33)	22.652.028.371	9.808.767.125

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thanh toán	31.839.405.812	22.173.048.500
Chi phí lãi vay	6.103.281.091	15.143.833.635
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.927.108.997	1.941.805.261
Khác	65.131.918.139	38.665.027
	107.001.714.039	39.297.352.423
Trong đó:		
Chi phí lãi vay với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 33)	162.912.563	-

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên và hoa hồng	313.061.919.535	228.884.026.346
Chi phí quảng bá sản phẩm	67.080.753.462	60.085.781.785
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.937.739.500	27.431.187.798
Chi phí khấu hao	6.211.331.446	5.528.765.057
Chi phí khác	22.741.530.591	31.097.126.393
	439.033.274.534	353.026.887.379
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	67.049.298.664	61.874.653.163
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.240.633.709	3.010.186.878
Chi phí khấu hao	3.000.114.570	2.700.394.843
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	918.662.091	5.464.442.986
Chi phí khác	12.969.242.457	8.546.064.860
	91.177.951.491	81.595.742.730

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	87.217.323.327	86.995.727.456
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	602.000	2.727.261.492
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	87.217.925.327	89.722.988.948
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh do chênh lệch khi hợp nhất kinh doanh	15.318.879.626	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	9.567.818.132	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(12.839.263.158)	(9.567.818.132)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	12.047.434.600	(9.567.818.132)

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	470.136.174.448	295.577.433.645
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng và thù lao Hội đồng Quản trị (VND)	(47.035.644.932)	(40.138.069.478)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	423.100.529.516	255.439.364.167
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	41.712.614	41.712.614
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	10.143	6.124

Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng và thù lao Hội đồng Quản trị năm 2024 được trích trong năm trên cơ sở tạm tính, do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 có thể thay đổi theo phê duyệt.

Theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng và thù lao Hội đồng Quản trị từ lợi nhuận sau thuế cần được loại trừ ra khỏi lợi nhuận khi ước tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Do vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được xác định lại trên cơ sở tính toán quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ phê duyệt trong năm 2024.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được điều chỉnh như sau:

	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	295.577.433.645	295.577.433.645
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng và thù lao Hội đồng Quản trị (VND)	(36.259.125.218)	(40.138.069.478)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	259.318.308.427	255.439.364.167
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	41.712.614	41.712.614
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	6.217	6.124

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty mẹ tối cao
Công ty Cổ phần PAN Farm	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vinaseed Hà Nội	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Tây	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Bibica Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Bibica Hà Nội	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Chủ tịch Hội đồng Quản trị/Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Thành viên Hội đồng Quản trị/Tổng Giám đốc
Ông Trương Công Cứ	Thành viên Hội đồng Quản trị/Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Dũng	Thành viên Hội đồng Quản trị/Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Xuân Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Ngọc Phương	Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên mật thiết trong gia đình của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.514.970.564	3.302.042.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	1.018.906.564	1.614.126.000
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	679.530.000	671.170.000
Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	647.820.000	602.120.000
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	433.215.000	391.526.000
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Tây	261.023.000	-
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	234.661.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	80.000.000	-
Công ty TNHH MTV Bibica Hà Nội	42.300.000	-
Công ty TNHH MTV Bibica Biên Hòa	38.965.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An	33.000.000	23.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vinaseed Hà Nội	28.350.000	-
Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans	13.200.000	-
Công ty Cổ phần PAN Farm	4.000.000	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.655.827.746	2.658.894.667
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	5.655.827.746	1.979.094.667
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	-	679.800.000
Cá nhân cho Công ty mượn tiền	-	4.177.600.000
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	-	1.161.900.000
Ông Trương Công Cứ	-	1.232.550.000
Ông Trần Văn Dũng	-	1.033.900.000
Bà Phạm Thị Ngọc Phương	-	293.850.000
Ông Đào Xuân Trọng	-	272.250.000
Ông Nguyễn Hoàng Anh	-	183.150.000
Công ty trả tiền đã mượn cho cá nhân	3.143.700.000	1.033.900.000
Ông Trương Công Cứ	1.232.550.000	-
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	1.161.900.000	-
Bà Phạm Thị Ngọc Phương	293.850.000	-
Ông Đào Xuân Trọng	272.250.000	-
Ông Nguyễn Hoàng Anh	183.150.000	-
Ông Trần Văn Dũng	-	1.033.900.000
Cho vay	-	450.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	-	450.000.000.000
Thu hồi gốc vay	450.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	450.000.000.000	-
Lãi cho vay	22.652.028.371	9.808.767.125
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	22.652.028.371	9.808.767.125
Nhận lãi cho vay	32.460.795.496	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	32.460.795.496	-

130

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	162.912.563	-
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	60.211.886	-
Ông Trương Công Cứ	63.873.105	-
Bà Phạm Thị Ngọc Phương	15.227.871	-
Ông Đào Xuân Trọng	14.108.517	-
Ông Nguyễn Hoàng Anh	9.491.184	-
Chia cổ tức	42.758.382.000	74.827.168.500
Công ty Cổ phần PAN Farm	42.758.382.000	74.827.168.500

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	272.231.592	168.190.040
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	201.264.000	97.650.000
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Tây	49.619.600	19.155.800
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	12.167.992	-
Công ty TNHH MTV Bibica Hà Nội	4.644.000	4.644.000
Công ty TNHH MTV Bibica Biên Hòa	3.348.000	3.348.000
Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans	1.188.000	2.376.000
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	-	41.016.240
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	1.008.049.689
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	-	1.008.049.689
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	450.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	-	450.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	-	9.808.767.125
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	-	9.808.767.125
Phải trả ngắn hạn khác	-	3.143.700.000
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	-	1.161.900.000
Ông Trương Công Cứ	-	1.232.550.000
Bà Phạm Thị Ngọc Phương	-	293.850.000
Ông Đào Xuân Trọng	-	272.250.000
Ông Nguyễn Hoàng Anh	-	183.150.000

Thu nhập, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Ông Trương Công Cứ	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	7.829.658.760	7.081.431.944
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	7.721.958.760	6.982.993.603
Ông Trần Văn Dũng	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	6.408.637.479	5.630.363.854
Ông Đào Xuân Trọng	Phó Tổng Giám đốc	2.362.111.391	2.697.610.734
Bà Phạm Thị Ngọc Phương	Kế toán trưởng	1.681.599.417	1.793.692.045
Ông Mai Tuấn Anh	Thành viên độc lập	1.360.687.253	489.106.583
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024)	1.310.687.253	489.106.583
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên HĐQT	1.260.687.253	489.106.583
		29.936.027.566	25.653.411.929

Ngoài ra, Công ty thực hiện chi trả quỹ thưởng từ các năm trước thay chương trình "Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP) giai đoạn 2023 - 2025" cho ban điều hành với số tiền là 50,96 tỷ VND trong Quý 1 năm 2024 và đã được trình bày tại Đại hội đồng cổ đông 2024.

Thù lao Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Ông Võ Văn Quốc	Trưởng Ban Kiểm soát	280.000.000	263.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên Ban Kiểm soát	140.000.000	132.000.000
Bà Phan Thị Bích Lan	Thành viên Ban Kiểm soát	140.000.000	132.000.000
		560.000.000	527.000.000

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 364.321.819 VND (2023: 1.766.836.107 VND), là số tiền lãi vay trong năm nhưng chưa thanh toán cho các bên cho vay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm đã bao gồm 2.400.943.400 VND (2023: 0 VND), là số tiền trả trước cho người bán để mua sắm tài sản trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 6.747.422.500 VND (2023: 5.239.403.500 VND), là số tiền cổ tức phải trả nhưng chưa thanh toán cho chủ sở hữu. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

35. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2024 ngày 25 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 05/2025/NQ-HĐQT ngày 06 tháng 3 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2024 bằng tiền cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10% trên mệnh giá cổ phiếu, tương đương 1.000 VND/cổ phiếu. Ngày đăng ký cuối cùng theo thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là ngày 19 tháng 3 năm 2025.



Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Trương Công Cừ
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2025



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2025
XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



NGUYỄN BẠCH TUYẾT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2024

Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2024 (Hợp nhất và Riêng) của Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam đã được công bố thông tin đúng quy định và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty theo link: <https://vfc.com.vn/vfc/tin-chi-tiet/vi/thong-tin-tai-chinh/bao-cai-tai-chinh-2024>.



Địa chỉ: 29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Email: info@vfc.com.vn

Số điện thoại: (028) 3822 8097